



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 37/2021
Từ 20/9 - 24/9/2021

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

TỔNG BÍ THƯ:

BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ CHỨC NĂNG, QUYỀN HẠN CỦA BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC

Thay mặt Bộ Chính trị, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng ký ban hành Quy định số 32-QĐ/TW về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (Ban Chỉ đạo).



Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng họp phiên 20 ngày 5/8/2021

Quy định số 32-QĐ/TW có 17 điều, thay thế cho Quy định số 211-QĐ/TW ngày 25/12/2019 của Bộ Chính trị khoá XII về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng.

Quy định này quy định về chức năng, phạm vi chỉ đạo, nguyên tắc, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc và quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo.

Theo Quy định, Ban Chỉ đạo do Bộ Chính trị thành lập, chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong việc chỉ đạo, phối hợp, đôn đốc, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong phạm vi cả nước.

Cơ quan này chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng; phòng, chống tiêu cực, trọng tâm là suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong hệ thống chính trị cả nước.

Cùng với đó, trực tiếp chỉ đạo xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng hoặc có dấu hiệu tham nhũng nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm; các vụ án, vụ việc tiêu cực khác ngoài tham nhũng ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, uy tín, phẩm chất đạo đức, vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, làm suy giảm niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ.

Ban Chỉ đạo làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ; tập thể thảo luận, Trưởng ban kết luận và chỉ đạo thực hiện; hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; tuân thủ quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước; tôn trọng, không làm cản trở hoạt động bình thường và không làm thay nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và người có thẩm quyền trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Ban Chỉ đạo thực hiện 7 nhóm nhiệm vụ

Quy định số 32-QĐ/TW quy định cụ thể 7 nhóm nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo. Trong đó, tham mưu, đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định chủ trương, định hướng về cơ chế, chính sách, pháp luật, giải pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức Đảng trực thuộc Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Cơ quan này cũng chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát cấp ủy, tổ chức đảng và các cơ quan chức năng trong việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, xử lý các vụ việc, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án các vụ án tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm...

Quy định nêu rõ, Ban Chỉ đạo có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền báo cáo về xử lý một số vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực; về giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý thông tin về hành vi tham nhũng, tiêu cực; thực hiện các biện pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền lãnh đạo, quản lý.

Yêu cầu việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, tiêu cực; chỉ đạo xem xét lại việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, xử lý khi có căn cứ cho rằng việc kết luận, xử lý chưa khách quan, chính xác, nghiêm minh.

Ban Chỉ đạo có quyền yêu cầu các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án kết luận, xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực. Trực tiếp chỉ đạo về chủ trương xử lý đối với một số vụ án, vụ việc cụ thể hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức và người có thẩm quyền xem xét lại việc giải quyết hoặc giải quyết lại nhằm bảo đảm việc xử lý nghiêm minh, đúng quy định.

Trong trường hợp cần thiết, Ban Chỉ đạo kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, thành lập các Ban Chỉ đạo xử lý vụ án, vụ việc để trực tiếp chỉ đạo xử lý đối với một số vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm.

Cũng theo Quy định số 32-QĐ/TW, Ban Chỉ đạo kiến nghị với Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định hoặc yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định khi có căn cứ cho rằng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có hành vi tham nhũng, tiêu cực, vi phạm quy định của Đảng, vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng, tiêu cực hoặc có hành vi cản trở, gây khó khăn đối với hoạt động phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Ban Chỉ đạo có quyền yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan chức năng trong quá trình kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, nếu phát hiện vi

phạm liên quan đến cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy các cấp quản lý thì báo cáo ngay cho Ban Chỉ đạo, cấp ủy quản lý cán bộ để kịp thời chỉ đạo xử lý.

Đồng thời, chuyển hồ sơ, tài liệu liên quan đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy ban kiểm tra thuộc cấp ủy quản lý cán bộ để kiểm tra, xử lý theo quy định của Đảng. Trong quá trình kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, thi hành án, nếu phát hiện sai phạm có dấu hiệu tội phạm thì kịp thời chuyển cơ quan điều tra để xử lý theo thẩm quyền, không chờ đến khi kết thúc mới chuyển...

Nguồn: baochinhpvu.vn

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI: PHẢI LÀM RÕ ƯU, NHƯỢC ĐIỂM CỦA VIỆC SẮP XẾP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Đó là ý kiến của Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ sau khi nghe báo cáo kế hoạch của đoàn giám sát chuyên đề "Việc thực hiện các nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021" tại phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sáng ngày 22/9.

Trình bày dự thảo báo cáo, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật Hoàng Thanh Tùng cho biết hoạt động giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021 là nhằm đánh giá một cách khách quan, trung thực, toàn diện kết quả tổ chức thực hiện các nghị quyết này để rút ra các bài học kinh nghiệm phục vụ cho việc sắp xếp trong giai đoạn 2022 - 2030.

Đồng thời, nêu các kiến nghị để hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (về tiêu chuẩn, phân loại đơn vị hành chính, phân loại đô thị, việc sắp xếp đơn vị hành chính phù hợp với điều kiện thực tiễn...) và quy trình, cách thức thực hiện, tạo cơ sở pháp lý cho việc sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2022 - 2030.

Hoạt động giám sát tập trung vào 4 nội dung chính: Thứ nhất, tình hình thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021. Thứ hai, kết quả thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2019 - 2021. Thứ ba, đánh giá hiệu quả của việc sắp xếp đơn vị hành chính gắn với mục tiêu đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tinh giản biên chế, cải cách chế độ tiền lương, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đánh giá tính hiệu quả công tác quản lý nhà nước ở địa phương và tính hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước cũng như việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội ở địa phương khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính. Thứ tư, các bài học kinh nghiệm, cách làm hay, có hiệu quả trong việc xây dựng, lựa chọn phương án sắp xếp đơn vị hành chính, vận động, thuyết phục nhân dân đồng thuận với phương án sắp xếp, lựa chọn tên gọi của đơn vị

hành chính; các kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện phương án sắp xếp đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

Phát biểu về nội dung này, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ đề nghị mục tiêu của giám sát phải trả lời được việc sắp xếp các đơn vị hành chính giai đoạn 2019 - 2021 có tinh giản được đầu mối, biên chế đi liền với đó là chi phí, ngân sách hay không? Có nâng cao được hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương hay không? Thủ tục hành chính, năng lực cạnh tranh của địa phương có được cải thiện hay không? Chỉ số hài lòng của người dân như thế nào?

Vì vậy, Chủ tịch Quốc hội đề nghị đoàn giám sát phải làm rõ ưu điểm, nhược điểm của việc sắp xếp các đơn vị hành chính giai đoạn 2019 - 2021, rút ra được bài học kinh nghiệm, từ đó nêu được kiến nghị, đề xuất xác đáng cho giai đoạn tới.

Nguồn: baohinhphu.vn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: PHÊ DUYỆT BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2022

Ngày 22/9/2021, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký ban hành Quyết định số 1575/QĐ-TTg phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2022.

Theo Quyết định, tổng biên chế công chức năm 2022 của các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, Cơ quan Đại diện của Việt Nam ở nước ngoài (không bao gồm biên chế của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và cán bộ, công chức cấp xã), biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước và biên chế công chức dự phòng là 256.685 biên chế. Cụ thể như sau:

1. Biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước là 247.722 biên chế, trong đó: a) Các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập là 106.890 biên chế. b) Các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện 140.832 biên chế.

2. Các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài là 1.068 biên chế.

3. Tổng biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước: 686 biên chế.

4. Biên chế công chức để chuyển công chức phường tại các phường không tổ chức Hội đồng nhân dân thành công chức quận ở TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và TP. Đà Nẵng có 7.035 biên chế.

5. Biên chế công chức dự phòng là 174 biên chế.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng Bộ Nội vụ có trách nhiệm giao biên chế công chức đối với từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong tổng số biên chế cho công chức quy định tại mục 1, 4.

Bộ trưởng Bộ Nội vụ có trách nhiệm giao biên chế công chức làm việc ở nước ngoài đối với từng Bộ, cơ quan ngang Bộ trong tổng số biên chế công chức quy định tại mục 2; giao biên chế đối với từng Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước trong tổng biên chế quy định tại mục 3.

Các Bộ, ngành và địa phương hoàn thiện đề án vị trí việc làm và bố trí, sắp xếp biên chế công chức theo vị trí việc làm trong tổng biên chế được giao và thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và TP. Đà Nẵng báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp đề điều chỉnh giảm biên chế công chức phùng tương ứng với số biên chế công chức chuyển thành công chức quận.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

TẬP TRUNG GIÁM SÁT 5 NỘI DUNG TRỌNG ĐIỂM TRONG LĨNH VỰC CÔNG

Ngày 22/9, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã cho ý kiến về Báo cáo một số nội dung dự thảo Kế hoạch giám sát chi tiết và Đề cương báo cáo giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016 - 2021”.

Tại Phiên thảo luận, Chủ nhiệm Ủy ban Tài chính - ngân sách của Quốc hội, Phó Trưởng đoàn Đoàn giám sát Nguyễn Phú Cường cho biết, thực hiện Nghị quyết số 09/2021/QH15 ngày 25/7/2021 của Quốc hội về Chương trình giám sát của Quốc hội năm 2022, Nghị quyết số 18/2021/QH15 ngày 27/7/2021 của Quốc hội về thành lập Đoàn giám sát “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016 - 2021”, Đoàn giám sát dự thảo Kế hoạch giám sát chi tiết và các đề cương báo cáo giám sát báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Theo Chủ nhiệm Ủy ban Tài chính - Ngân sách Nguyễn Phú Cường, việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016 - 2021 nhằm mục đích nâng cao trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị và ý thức chấp hành của các cấp, các ngành, bảo đảm thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Qua giám sát, cần làm rõ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cá nhân vi phạm; kiến nghị hình thức xử lý đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Đối tượng giám sát gồm: Các Bộ, ngành, các cơ quan quản lý, sử dụng vốn nhà nước, tài sản nhà nước; Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Kiểm toán Nhà nước;

các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; doanh nghiệp nhà nước; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Phạm vi giám sát bao gồm: Giám sát tình hình thực hiện chính sách, pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong khu vực công (không giám sát công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hoạt động sản xuất, kinh doanh khu vực tư nhân và tiêu dùng của nhân dân) từ 1/1/2016 đến 31/12/2021 và thời kỳ trước, sau có liên quan.

Qua giám sát nhằm kịp thời xử lý những tồn tại, vướng mắc trong hoàn thiện chính sách, pháp luật, tổ chức, chỉ đạo, điều hành công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Nâng cao trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị và ý thức chấp hành của các cấp, các ngành, bảo đảm thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Làm rõ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cá nhân vi phạm; kiến nghị hình thức xử lý đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Kiến nghị các giải pháp hoàn thiện chính sách pháp luật, tăng cường việc tổ chức thực hiện để nâng cao chất lượng công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, bảo đảm sử dụng các nguồn lực tiết kiệm, hiệu quả.

Phạm vi giám sát được xác định trong khu vực công từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2021 và thời kỳ trước, sau có liên quan; không giám sát công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh khu vực tư nhân và tiêu dùng của Nhân dân. Cụ thể, giám sát tập trung 5 lĩnh vực gồm: quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; quản lý, sử dụng vốn nhà nước khác; quản lý tài sản nhà nước; quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động; quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên. Đối với từng lĩnh vực cụ thể, dự thảo kế hoạch nêu cụ thể các nội dung trọng tâm, trọng điểm tập trung giám sát.

Nhận định đây là chuyên đề giám sát quan trọng, phạm vi phức tạp và rất rộng, các Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho rằng, cần xác định rõ trọng tâm, trọng điểm, đối tượng của chuyên đề giám sát này; tận dụng tối đa báo cáo kết quả của Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ trong các lĩnh vực, từ đó có thông tin khách quan, đa chiều hơn.

Đề cập đến vấn đề quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên đất, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ nhấn mạnh, phải làm rõ cả nước có bao nhiêu đất được giao và thu tiền sử dụng đất? Bao nhiêu diện tích đất được giao rồi nhưng sử dụng không đúng mục đích, địa chỉ nằm ở đâu? Hay trong quản lý, sử dụng đất nông, lâm trường, việc cơ cấu lại các công ty nông, lâm trường đã góp phần giao lại bao nhiêu đất cho địa phương, bao nhiêu đất chưa giao về cho địa phương? Số đất địa phương nhận về thì đến nay, bao nhiêu phần trăm đã có kế hoạch giao và sử dụng đất, đất để không, chưa có kế hoạch sử dụng là bao nhiêu? Đất nông nghiệp cũng cần được tập trung giám sát, tổng diện tích đất nông nghiệp bỏ hoang hóa không sử dụng và chưa sử dụng là bao nhiêu?

Đối với lĩnh vực ngân sách, trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Chủ tịch Quốc hội cho rằng, Đoàn giám sát nên tập trung vào các khoản chi cho lễ hội, hội nghị, khánh tiết, tiếp tân, đi công tác nước ngoài...

Nguồn: baochinhpvu.vn

PHẢI TẠO ĐƯỢC CHUYÊN BIẾN CĂN BẢN TRONG CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

Chiều ngày 22/9, tại Nhà Quốc hội, dưới sự điều hành của Phó Chủ tịch Quốc hội Trần Quang Phương, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét Kế hoạch chi tiết và Đề cương giám sát chuyên đề “Việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo từ ngày 01/7/2016 đến ngày 01/7/2021”.

Trình bày Báo cáo, Trưởng ban Ban Dân nguyện Dương Thanh Bình cho biết, căn cứ vào Nghị quyết thành lập Đoàn giám sát, dự thảo kế hoạch đã xác định rõ mục đích giám sát nhằm xem xét, theo dõi, đánh giá toàn diện, khách quan việc thực hiện tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật của các đối tượng chịu sự giám sát và một số cơ quan có liên quan.

Nội dung giám sát tập trung vào 4 nhóm nội dung chính: Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; về công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện của cơ quan, người có thẩm quyền; tình hình, kết quả thực hiện quy định pháp luật về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; đánh giá kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm trong thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; các tồn tại, hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân; xác định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; các giải pháp hoàn thiện thể chế, pháp luật như kiến nghị nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và công tác giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử.

Ông Dương Thanh Bình cũng nêu rõ Đoàn giám sát đã xây dựng 9 dự thảo đề cương báo cáo, yêu cầu nội dung đánh giá, tùy vào từng đối tượng chịu sự giám sát, theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý của từng cơ quan, đề cương cũng có những yêu cầu đánh giá bổ sung.

Phát biểu tại phiên thảo luận, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ cho biết đây là một trong những chuyên đề giám sát quan trọng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nội dung của Đoàn giám sát liên quan đến nhiều cơ quan của Quốc hội, cơ quan tư pháp, cơ quan của Chính phủ. Do đó, cần phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa Đoàn giám sát và các cơ quan có liên quan. Trong công tác xây dựng kế hoạch đề cương cần phát huy được thế mạnh của từng cơ quan liên quan và có công tác phối hợp chặt chẽ.

Nhấn mạnh tính chất, tầm quan trọng của Đoàn giám sát, Chủ tịch Quốc hội cho rằng kết quả của Đoàn giám sát phải lý giải rõ vì sao công tác giải quyết khiếu nại tố cáo vẫn còn diễn biến phức tạp trong đó có nhiều vụ việc nổi cộm, kéo dài, nguyên nhân chủ quan và khách quan, dù đã có quy định pháp luật nhưng công tác tiếp công dân vẫn chưa đi vào nền nếp.

Chủ tịch Quốc hội đề nghị thông qua Đoàn giám sát lần này phải hình thành được dữ liệu ban đầu cho việc cung cấp cơ sở dữ liệu về khiếu nại tố cáo sau này; có phân loại theo từng

lĩnh vực, địa bàn, tính chất của từng vụ việc... Đồng thời, qua giám sát cũng phải chỉ ra được những nơi làm tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo; nơi nào còn yếu kém.

“Kết quả giám sát phải kiến nghị rõ vấn đề ràng buộc trách nhiệm, thời hạn giải quyết những vụ việc cụ thể. Đối với một số vụ việc phức tạp phải chọn ra để các cơ quan liên ngành giải quyết; không để tồn đọng các vụ việc kéo dài. Phải có những kiến nghị, đề xuất hết sức cụ thể; tạo chuyển biến căn bản, bước đầu trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo...”, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ lưu ý.

Kết luận nội dung thảo luận, Phó Chủ tịch Quốc hội Trần Quang Phương nêu rõ đây là chuyên đề giám sát quan trọng, có phạm vi rộng, liên quan đến nhiều luật, ảnh hưởng đến nhiều mặt đời sống xã hội, liên quan đến nhiều cơ quan cả lập pháp, hành pháp và tư pháp nhưng cũng là nội dung được Đảng Nhà nước rất quan tâm, nhân dân kỳ vọng...

Cơ bản thống nhất với nội dung tại dự thảo Kế hoạch giám sát chi tiết và Đề cương báo cáo, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Đoàn giám sát lưu ý tiếp thu và hoàn thiện một số nội dung như: Chú ý trả lời cho được vì sao tình hình khiếu nại, tố cáo vẫn diễn biến phức tạp; nhiều vụ việc nổi cộm, đông người mặc dù các quy định của pháp luật là rất chặt chẽ, đầy đủ. Xác định cho được trọng tâm là xung quanh việc quản lý đất đai, tài nguyên môi trường. Yêu cầu Thường trực Đoàn giám sát thiết lập mẫu biểu đề cương để có chỉ dẫn làm cơ sở xây dựng dữ liệu ban đầu cho việc cung cấp cho cơ sở dữ liệu về khiếu nại tố cáo sau này (phân loại rõ trong lĩnh vực, địa bàn, mức độ quan trọng).

Phó Chủ tịch Quốc hội Trần Quang Phương nhấn mạnh nội dung giám sát là lĩnh vực rộng liên quan đến nhiều cơ quan nhằm đạt hiệu quả tốt nhất trong quá trình giám sát, qua đó, phải tạo được chuyển biến căn bản trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ TÀI CHÍNH: QUẢN LÝ VẬN HÀNH CÔNG CÔNG KHAI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Bộ trưởng Bộ Tài chính ký ban hành Quyết định số 1799/QĐ-BTC về quy chế quản lý, vận hành, khai thác Công công khai ngân sách nhà nước.

Quyết định này quy định rõ về điều kiện truy cập, sử dụng Công công khai ngân sách nhà nước; tài khoản quản trị, nộp báo cáo công khai trên Công công khai ngân sách nhà nước; tài khoản người nộp báo cáo công khai...

Về quản lý hệ thống, hạ tầng kỹ thuật, Cục Tin học và Thống kê tài chính (Bộ Tài chính) chịu trách nhiệm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, thông suốt, phục vụ nhu cầu truy cập, sử dụng, cập nhật và khai thác thông tin trên ứng dụng liên tục, kịp thời.

Vụ Ngân sách nhà nước chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên rà soát, cập nhật các công thức tính toán các chỉ tiêu, biểu mẫu báo cáo về công khai ngân sách nhà

nước, công khai ngân sách của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phù hợp với các cơ chế chính sách hiện hành, đáp ứng yêu cầu từng thời kỳ.

Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên rà soát, cập nhật các công thức tính toán các chỉ tiêu, biểu mẫu báo cáo về công khai ngân sách của các bộ, cơ quan trung ương phù hợp với cơ chế chính sách hiện hành. Đồng thời, vụ chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng tài khoản quản trị nghiệp vụ liên quan đến công khai ngân sách nhà nước của các Bộ, cơ quan trung ương.

Quyết định cũng nêu rõ, các tổ chức, cá nhân truy cập, sử dụng, khai thác dữ liệu trên Cổng công khai ngân sách nhà nước, phải sử dụng đúng số liệu đã công khai, không sử dụng hoặc cung cấp thông tin sai lệch cho người khác sử dụng. Khi trích dẫn thông tin, số liệu phải ghi rõ nguồn thông tin từ Cổng công khai ngân sách nhà nước.

Cổng công khai ngân sách nhà nước là chuyên trang thông tin điện tử thuộc Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính. Cổng công khai ngân sách nhà nước bao gồm tập hợp các dữ liệu về ngân sách nhà nước được công khai theo quy định và các dữ liệu kinh tế - xã hội khác được sắp xếp, tổ chức để quản lý, vận hành và khai thác thông qua phương tiện điện tử.

Cổng công khai ngân sách nhà nước được xây dựng và triển khai tập trung, thống nhất trong phạm vi toàn quốc, thực hiện chức năng công khai và tiếp nhận báo cáo công khai; chức năng giám sát, kiểm tra và lưu trữ, phân tích số liệu.

Những năm qua, cùng với quá trình cải cách thể chế quản lý tài chính công, đẩy mạnh cải cách hành chính, Việt Nam đã có những bước tiến bộ quan trọng trong việc nâng cao tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình về quản lý ngân sách nhà nước.

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện quy định các cấp ngân sách, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ phải thực hiện công khai toàn bộ quy trình ngân sách, từ khâu dự toán, thực hiện dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước; công khai tình hình thực hiện ngân sách của đơn vị.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN: THÊM 02 THỦ TỤC ĐƯỢC TRIỂN KHAI TRÊN CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA

Từ ngày 20/9/2021, 02 thủ tục “Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu” và “Kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu” của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chính thức được triển khai trên phạm vi toàn quốc thông qua Cơ chế một cửa quốc gia.

Ngày 15/9/2021, Tổng cục Hải quan đã có Công văn số 4451/TCHQ-CNTT thông báo việc triển khai thủ tục trên tới các Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

Theo đó, Tổng cục Hải quan yêu cầu Cục Hải quan các tỉnh, thành phố phân quyền sử dụng chức năng tra cứu Giấy chứng nhận chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu và Giấy chứng nhận chất lượng phân bón nhập khẩu trên Hệ thống Xử lý điện tử hải quan (E-Customs) cho cán bộ hải quan.

Đồng thời, yêu cầu cán bộ hải quan tại các Chi cục truy cập hệ thống Thông quan điện tử tập trung (E-Customs) để tra cứu, khai thác Giấy chứng nhận chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu và Giấy chứng nhận chất lượng phân bón nhập khẩu và không yêu cầu doanh nghiệp phải nộp bản giấy đối với các chứng từ đã được cấp thông qua Cơ chế một cửa quốc gia khi làm thủ tục hải quan.

Trước đó, Tổng cục Hải quan đã nhận được Văn bản số 1599/BVTV của Cục Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) đề nghị triển khai thực hiện kết nối thủ tục trên qua Cơ chế một cửa quốc gia.

Theo Cục Bảo vệ thực vật, 02 thủ tục “Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu” và “Kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu” đã hoàn thiện việc xây dựng phần mềm cũng như tổ chức đào tạo, tập huấn hướng dẫn sử dụng.

Để phần mềm thực hiện thủ tục hành chính sớm được triển khai phục vụ người dân, doanh nghiệp, Cục Bảo vệ thực vật đã đề nghị Tổng cục Hải quan chính thức vận hành phần mềm thực hiện trên Cơ chế một cửa quốc gia đối với 02 thủ tục hành chính nêu trên và thông báo đến hải quan các tỉnh, thành phố về việc triển khai thủ tục từ ngày 20/9/2021.

Nguồn: tapchitaichinh.vn

SẼ NGHIÊN CỨU GIẢM THỜI GIAN, CHI PHÍ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUẾ

Tổng cục Thuế sẽ tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, đảm bảo triển khai có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

Tổng cục Thuế cho biết, thời gian tới đơn vị sẽ rà soát và đề xuất các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế; trong đó, tập trung vào nghiên cứu giảm thời gian nộp thuế, giảm hồ sơ, giấy tờ và chi phí thực hiện thủ tục hành chính liên quan trực tiếp tới người dân, doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Tổng cục Thuế tiếp tục xây dựng và cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đối với các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý.

Tổng cục Thuế cho biết, tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực thuế là 304 thủ tục hành chính; trong đó, thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 là 122 thủ tục, mức độ 3 là 32 thủ tục, mức độ 4 là 150 thủ tục. Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của ngành thuế là 182 dịch vụ công trực tuyến đạt tỷ lệ 59,9%.

Cùng với đó, ngành Thuế sẽ tiếp tục mở rộng triển khai các dịch vụ khai thuế điện tử, nộp thuế điện tử, hoàn thuế điện tử, hóa đơn điện tử, nộp thuế điện tử đối với hoạt động cho thuê nhà, nộp thuế điện tử lệ phí trước bạ, thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản đảm bảo hỗ trợ tốt nhất cho người nộp thuế.

Thống kê của Tổng cục Thuế cho thấy, hệ thống khai thuế điện tử đã được triển khai tại 63/63 tỉnh, thành phố và 100% Chi cục Thuế trực thuộc. Đến nay, cả nước đã có 838.787 doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ khai thuế điện tử trên tổng số 841.018 doanh nghiệp đang hoạt động, đạt tỷ lệ 99,7%. Số lượng hồ sơ khai thuế điện tử đã tiếp nhận là 12.925.589 hồ sơ.

Tổng cục Thuế đã phối hợp với 55 ngân hàng thương mại và 63 Cục Thuế triển khai dịch vụ nộp thuế điện tử và tuyên truyền, vận động doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ. Tính đến 19/8, số lượng doanh nghiệp đã đăng ký tham gia sử dụng dịch vụ với cơ quan thuế là 832.802 doanh nghiệp, đạt tỷ lệ 99%.

Số lượng doanh nghiệp hoàn thành đăng ký dịch vụ với hệ thống ngân hàng là 831.154 doanh nghiệp, đạt 98,8%. Từ ngày 01/01/2021 đến nay, các doanh nghiệp đã nộp tiền thuế thông qua 2.425.472 giao dịch nộp thuế điện tử với số tiền là trên 486.844 tỷ đồng và 29.350.060 USD.

Đối với hoàn thuế điện tử, Tổng cục Thuế đã triển khai tại 63 tỉnh và tính từ ngày 01/01/2021 đến nay, tổng số doanh nghiệp tham gia hoàn thuế điện tử là 7.654 doanh nghiệp hoàn thuế, đạt tỷ lệ 97,44 %. Số hồ sơ tiếp nhận là 17.177 hồ sơ, đạt tỷ lệ 98,49 %; tổng số hồ sơ hệ thống đã giải quyết hoàn là 12.428 hồ sơ với tổng số tiền đã giải quyết hoàn là hơn 79.772 tỷ đồng.

Tổng cục Thuế tiếp tục triển khai Đề án thí điểm hóa đơn điện tử. Từ ngày 01/01 đến 19/7/2021, có 172.800 hóa đơn đã được cấp mã với tổng doanh thu là hơn 17.708 tỷ đồng, số thuế trên hóa đơn đã cấp mã là hơn 1.552 tỷ đồng.

Đại diện Tổng cục Thuế cho biết, Tổng cục sẽ tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, đảm bảo triển khai có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030. Đồng thời, tập trung nghiên cứu, đề xuất các sáng kiến cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt là các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân, doanh nghiệp. Từ đó, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển và đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của người nộp thuế.

Ngành Thuế cũng sẽ thay đổi phương thức phục vụ, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, lấy sự hài lòng của cá nhân, tổ chức là thước đo quan trọng trong phát triển Chính phủ điện tử. Cùng đó, bảo đảm gắn kết chặt chẽ, đồng bộ ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính, đổi mới lề lối, phương thức làm việc; xác định ứng dụng công nghệ thông tin là công cụ hữu hiệu hỗ trợ, thúc đẩy cải cách hành chính trong lĩnh vực. Tổng cục Thuế cũng sẽ đẩy mạnh việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thi hành pháp luật, xây dựng hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận.

Đặc biệt, quyền và lợi ích hợp pháp của người dân sẽ được lấy làm trung tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của ngành thuế và yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Nguồn: *bnews.vn*

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

*** Bộ Tài nguyên và Môi trường đang đề nghị xây dựng Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) nhằm giải quyết những vướng mắc, hạn chế phát sinh trong thực tế hiện nay.**

Bộ Tài nguyên và Môi trường cho biết, Luật Tài nguyên nước năm 2012 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 21/6/2012, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2013.

Qua gần 9 năm thực hiện, bên cạnh những kết quả đạt được, Luật Tài nguyên nước năm 2012 cũng đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần thiết phải sửa đổi, bổ sung để bảo đảm phù hợp với thực tế, nâng cao hơn nữa hiệu quả hiệu lực, tháo gỡ khó khăn cho các Bộ, ngành, địa phương và các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Tài nguyên nước.

Cụ thể: Một số quy định của pháp luật tài nguyên nước cần phải được cập nhật, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu của thực tế và phù hợp với pháp luật có liên quan như quy định về vật thể chứa nước (dòng sông, tầng chứa nước), quy hoạch tài nguyên nước, cấp giấy phép tài nguyên nước, bảo vệ tài nguyên nước.

Vấn đề bảo đảm an ninh tài nguyên nước quốc gia chưa được quy định trong Luật trong bối cảnh tài nguyên nước của nước ta đang phải chịu nhiều thách thức như phụ thuộc lớn vào nước ngoài; phân bố nước không đều theo không gian, thời gian; tác động của biến đổi khí hậu; suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước; mâu thuẫn sử dụng nước trên lưu vực sông; khả năng tiếp cận nước sạch an toàn chưa cao; hiệu quả sử dụng nước thấp,...

Chưa có chính sách, quy định cụ thể nhằm tính toán đầy đủ giá trị của tài nguyên nước, dẫn đến các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp chưa tính toán đủ giá thành sản phẩm, chưa xác định chính xác hiệu quả sử dụng nước, dẫn đến việc tính thiếu, thu không đủ dẫn đến việc sử dụng nước không tiết kiệm, thất thoát, lãng phí nước, gây thất thu ngân sách nhà nước và trì hoãn động lực phát triển, không kêu gọi được việc xã hội hóa trong ngành nước, nhất là cấp nước cho nông nghiệp...

Do vậy, việc xây dựng Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) là cần thiết để giải quyết những vướng mắc, bất cập nêu trên.

Dự thảo đề xuất bổ sung nhiều quy định mới. Cụ thể, đối với chính sách của Nhà nước về tài nguyên nước: Dự thảo bổ sung quy định về việc xây dựng, vận hành hệ thống chỉ tiêu, chỉ số theo dõi, đánh giá an ninh tài nguyên nước quốc gia, lưu vực sông. Bổ sung quan điểm, nguyên tắc về chính sách xã hội hóa hoạt động quản lý tài nguyên nước; phục hồi các dòng

sông bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; thẩm định các dịch vụ công lĩnh vực tài nguyên nước; các hoạt động bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, khôi phục cảnh quan, phát triển nguồn sinh thủy.

Đối với việc bảo vệ và phát triển nguồn sinh thủy: Bổ sung các quy định cụ thể đối với hoạt động bảo vệ nguồn sinh thủy và phát triển nguồn nước, trong đó có cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan trong bảo vệ phát triển nguồn sinh thủy. Bổ sung các quy định cụ thể đối với hoạt động bảo vệ nguồn sinh thủy và phát triển nguồn nước. Đề xuất các giải pháp công trình “kho chứa nước” để tích trữ nước nhằm điều hòa nguồn nước giữa các mùa; bảo vệ và phục hồi thảm thực vật, đặc biệt là rừng đầu nguồn, rừng ngập mặn ven biển nhằm tăng khả năng tích trữ nước, giảm thiểu lũ lụt về mùa mưa, tăng nguồn sinh thủy về mùa khô.

Về biện pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả: Dự thảo quy định rõ hơn các biện pháp, chế tài trong việc sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả đối với các hoạt động khai thác, sử dụng nước. Bổ sung quy định về sử dụng nước hướng đến tiết kiệm nước trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước.

Về quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước: Sửa đổi, bổ sung theo hướng tách bạch quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong khai thác tài nguyên nước và sử dụng tài nguyên nước.

Về đăng ký, cấp phép khai thác tài nguyên nước: Bổ sung quy định chi tiết nội dung liên quan đến cơ chế, tổ chức thực hiện liên quan đến huy động nguồn lực của các tổ chức, cá nhân, các tổ chức chính trị xã hội trong thực hiện dịch vụ công.

Về phòng, chống hạn hán, lũ, lụt, ngập úng nhân tạo: Bổ sung quy định chi tiết về quản lý đào, san lấp ao, hồ chứa nước. Bổ sung quy định, nguyên tắc việc áp dụng các biện pháp thu gom nước mưa, giảm ngập lụt ở các khu đô thị, khu tập trung dân cư.

*** Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân với dự thảo Nghị định quy định về việc cung cấp dịch vụ số của cơ quan nhà nước.**

Theo đó, nguyên tắc cung cấp dịch vụ hành chính công trên môi trường số là: Cung cấp dịch vụ bất cứ lúc nào, bất cứ đâu và đa kênh; lấy tổ chức, cá nhân làm trung tâm phục vụ; cần có hình thức thể hiện, ngôn ngữ, phương thức thực hiện đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, góp phần thực hiện có hiệu quả mục tiêu cải cách thủ tục hành chính.

Tổ chức, cá nhân chỉ cung cấp một lần (Once-only) đối với dữ liệu yêu cầu người dùng cung cấp cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ hành chính công trên môi trường số.

Cơ quan nhà nước phải sẵn sàng, chủ động, kịp thời cung cấp dịch vụ hành chính công trên môi trường số một cách thuận tiện, dễ dàng, nhanh chóng, hướng tới việc cá thể hóa theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân.

Ứng dụng hiệu quả, triệt để công nghệ số trong việc cung cấp dịch vụ hành chính công trên môi trường số theo 3 nguyên tắc cốt lõi: Không gặp mặt; Không giấy tờ; Không tiền mặt.

Cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ hành chính công trên môi trường số theo 2 mức độ như sau:

1. Dịch vụ được số hóa một phần là dịch vụ của cơ quan nhà nước cho phép tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí (nếu có) trực tuyến trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động (ngoại trừ những dịch vụ yêu cầu sự hiện diện bắt buộc theo quy định của pháp luật); nhưng cơ quan nhà nước vẫn phải xử lý hồ sơ của tổ chức, cá nhân (ví dụ thẩm tra, xác minh...) một phần hoặc toàn bộ không trên môi trường số. Việc trả kết quả có thể được thực hiện trực tuyến, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến người sử dụng và kết quả của dịch vụ công bản điện tử có giá trị pháp lý tương đương với bản giấy.

2. Dịch vụ được số hóa toàn trình là dịch vụ cho phép tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí (nếu có) trực tuyến trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động (ngoại trừ những dịch vụ yêu cầu sự hiện diện bắt buộc theo quy định của pháp luật); và cơ quan nhà nước thực hiện toàn bộ quá trình xử lý hồ sơ của tổ chức, cá nhân trên môi trường số. Việc trả kết quả có thể được thực hiện trực tuyến hoặc qua đường bưu điện đến người sử dụng và kết quả của dịch vụ công bản điện tử có giá trị pháp lý tương đương với bản giấy.

Việc cung cấp dịch vụ hành chính công trên môi trường số phải được chuẩn hóa quy trình từ việc tiếp nhận, xử lý, trả kết quả và được công bố trên phạm vi toàn quốc.

Theo dự thảo, các kênh cung cấp dịch vụ hành chính công trên môi trường số bao gồm: 1. Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp bộ, Cổng dịch vụ công cấp tỉnh là cổng cung cấp dịch vụ hành chính công chính thống của cơ quan nhà nước trên môi trường số. 2. Mạng xã hội do cơ quan nhà nước cho phép cung cấp dịch vụ hành chính công trên môi trường số theo quy định của pháp luật hiện hành. 3. SMS. 4. Email. 5. Ứng dụng đặc thù khác do cơ quan nhà nước cho phép cung cấp dịch vụ hành chính công trên môi trường số.

Việc truy cập và sử dụng dịch vụ hành chính công của cơ quan nhà nước trên môi trường số phải bảo đảm thuận tiện trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

Cơ quan nhà nước công bố các kênh cung cấp dịch vụ hành chính công trên môi trường số. Các kênh số này phải bảo đảm an toàn thông tin và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

*** Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.**

Trong đó, dự thảo bổ sung Khoản 2a Điều 15 về phân cấp quản lý công trình thủy lợi như sau: “Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý căn cứ vào hiệu quả quản lý, khai thác hoặc trong các trường hợp sau: a) Để xảy ra sự cố ảnh hưởng đến an toàn công trình và vùng hạ du thuộc nguyên nhân chủ quan của đơn vị quản lý, khai thác; b) Đơn vị khai thác công trình thủy lợi bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ được giao; c) Để xảy ra sai phạm nghiêm trọng trong thực hiện các quy định về cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi”.

Lý giải về đề xuất bổ sung quy định trên, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết: Công trình thủy lợi liên tỉnh hầu hết do địa phương quản lý. Thực tế hiện nay, đa số các địa phương đã thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác công trình liên tỉnh. Tuy nhiên, vẫn có một số nhiệm vụ quản lý, khai thác ở một số công trình, đơn vị khai thác của địa phương chưa thực hiện nghiêm túc dẫn tới hiệu quả công trình chưa đạt yêu cầu. Thậm chí có nơi gây ảnh hưởng rất lớn tới công tác vận hành, bảo đảm an ninh, an toàn công trình.

Việc phân cấp quản lý công trình liên tỉnh hiện nay đang giữ nguyên hiện trạng, ổn định cho cả Trung ương và địa phương. Tuy nhiên, cũng cần thiết có các quy định đối với những trường hợp đặc biệt để thực sự phát huy năng lực, hiệu quả quản lý, khai thác công trình.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết, đến nay Bộ đã có 3 văn bản phân cấp quản lý 23 công trình mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 2 tỉnh trở lên được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cấp cho các địa phương quản lý. Tuy nhiên, không có quy định phân công cụ thể trách nhiệm của Bộ, của địa phương khi thực hiện quản lý các công trình phân cấp.

Do vậy, Bộ đề xuất bổ sung Điều 15a về phân công trách nhiệm trong quản lý công trình thủy lợi được phân cấp như sau:

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: a) Tổng hợp, sắp xếp đưa vào danh mục nguồn vốn trung hạn theo từng giai đoạn các hạng mục sửa chữa nâng cấp, hiện đại hóa công trình đã phân cấp địa phương quản lý; b) Tổ chức quan trắc, giám sát nguồn nước, chất lượng nước ở các công trình liên tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành; c) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 2 tỉnh trở lên; d) Rà soát và phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ đập, hồ chứa thủy lợi liên tỉnh sau khi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân các tỉnh có liên quan; đ) Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện pháp luật thủy lợi.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: a) Thực hiện trách nhiệm chủ sở hữu đối với công trình thủy lợi được phân cấp, trừ các nội dung pháp luật có quy định khác; b) Chỉ đạo đơn vị khai thác công trình thủy lợi của địa phương thực hiện công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo quy định của Luật Thủy lợi và pháp luật liên quan.

*** Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân đối với dự thảo Nghị định quy định quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử.**

Bộ Tài chính cho biết, hiện nay, thương mại điện tử phát triển mạnh mẽ trên toàn thế giới và Việt Nam cũng không thể nằm ngoài sự phát triển này. Theo đánh giá của Hiệp hội thương mại điện tử Việt Nam tại báo cáo về Chỉ số thương mại điện tử Việt Nam (EBI) trong 5 năm gần đây thì tốc độ tăng trưởng trung bình năm của Việt Nam từ 25 - 30%. Nếu Việt Nam vẫn duy trì mức độ tăng trưởng này thì quy mô thị trường thương mại điện tử Việt Nam năm 2025 đứng thứ ba Đông Nam Á sau Indonesia và Thái Lan. Với tốc độ tăng trưởng cao như trên cần thiết phải có những biện pháp quản lý mới phù hợp với hoạt động giao dịch thương mại điện tử qua biên giới đảm bảo việc quản lý hải quan nhưng không ảnh hưởng đến sự phát triển của hoạt động thương mại điện tử qua biên giới.

Theo quy định hiện hành thì đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử hay xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch theo phương thức truyền thống thủ tục hải quan được thực hiện giống nhau. Tuy nhiên, đặc điểm của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử trong thời gian vừa qua tăng nhanh, thời gian để tiến hành giao dịch mua bán hàng hóa đơn giản, nhanh chóng, hàng hóa được giao đến tận địa chỉ của người mua, lượng giao dịch tăng cao tại các thời điểm giảm giá, trong khi đó hiện nay hàng hóa mua qua thương mại điện tử đưa về Việt Nam thực hiện thủ tục hải quan như đối với hàng hóa thông thường nên gặp phải một số vướng mắc.

Cụ thể, cơ quan quản lý nhà nước chưa có một cơ chế riêng về quản lý đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử nên khi thực hiện các thủ tục hải quan, thủ tục liên quan đến lĩnh vực quản lý của các Bộ, ngành, người mua hàng qua thương mại điện tử tại Việt Nam gặp khó khăn trong việc nhận hàng hóa được mua từ nước ngoài. Do đó, hình thành nên một bộ phận thực hiện việc mua hộ hàng hóa trên website và vận chuyển số hàng hóa này về Việt Nam theo các con đường không chính thống, đặc biệt là qua biên giới đường bộ gây khó khăn trong công tác đấu tranh đối với các hành vi gian lận thương mại. Vì vậy, cần thiết phải có những quy định để kiểm soát đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử nhưng vẫn đảm bảo thuận lợi để người mua, người bán tuân thủ thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Do vậy, việc xây dựng Nghị định quy định quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử là thực sự cần thiết nhằm tạo hành lang pháp lý đầy đủ về chính sách quản lý, chế độ để đảm bảo công tác quản lý của cơ quan hải quan hiệu quả, đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Theo dự thảo, về đối tượng áp dụng: Ngoài các đối tượng tương tự như các trường hợp xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thông thường, thì tại dự thảo Nghị định quy định thêm các đối tượng là chủ sở hữu sản phẩm giao dịch thương mại điện tử, website thương mại điện tử bán hàng ví dụ như sản phẩm thương mại điện tử Amazon ở Mỹ, sản phẩm thương mại điện tử Alibaba ở Trung Quốc, quy định này tương đồng với quy định người nộp thuế tại Luật Quản lý thuế.

Dự thảo Nghị định cũng quy định cụ thể về địa điểm làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử như sau:

Đối với hàng hóa xuất khẩu được đăng ký tờ khai hải quan tại: Chi cục Hải quan nơi người khai hải quan có trụ sở hoặc nơi có cơ sở sản xuất, kinh doanh; hoặc Chi cục Hải quan nơi tập kết hàng hóa xuất khẩu; hoặc Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất hàng.

Hàng hóa nhập khẩu được đăng ký tờ khai hải quan tại: Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập hàng; hoặc Chi cục Hải quan quản lý địa điểm tập kết, kiểm tra giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh trong trường hợp hàng hóa nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh; hoặc Chi cục Hải quan quản lý kho ngoại quan trong trường hợp hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử nhập khẩu từ kho ngoại quan.

Tương tự như chính sách quản lý hàng hóa, hiện hàng hóa nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử không có quy định riêng về chính sách thuế, hiện nay theo quy định của pháp luật về thuế nhập khẩu có quy định hàng hóa nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh (không phân biệt hàng hóa thương mại điện tử hay hàng hóa khác) có trị giá hải quan từ 1.000.000 đồng trở xuống hoặc có tổng số thuế từ 100.000 đồng trở xuống thì được miễn thuế nhập khẩu (Theo Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP của Chính phủ), tuy nhiên Nghị định số 18/2021/NĐ-CP chưa quy định cụ thể số lần hoặc cụ thể lô hàng được miễn thuế, do vậy dẫn đến việc người khai hải quan lợi dụng chính sách này để chia nhỏ lô hàng nhằm mục đích miễn thuế. Do vậy, để tương đồng với hàng hóa gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh, bưu chính và để ngăn chặn việc lợi dụng chính sách ưu đãi về thuế, tại dự thảo Nghị định quy định cụ thể như sau:

“Mỗi tổ chức, cá nhân mua hàng chỉ được hưởng tiêu chuẩn miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu quy định tại điểm a, điểm b dưới đây không quá 1 đơn hàng/ngày và không quá 4 đơn hàng/tháng: a) Hàng hóa nhập khẩu có trị giá hải quan theo từng đơn hàng từ 1.000.000 đồng Việt Nam trở xuống; b) Hàng hóa nhập khẩu có trị giá hải quan theo từng đơn hàng trên 1.000.000 đồng Việt Nam nhưng có tổng số tiền thuế nhập khẩu phải nộp dưới 100.000 đồng Việt Nam.

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử có trị giá hải quan theo từng đơn hàng trên 1.000.000 đồng Việt Nam và có tổng số tiền thuế nhập khẩu phải nộp trên 100.000 đồng Việt Nam thì phải nộp thuế nhập khẩu đối với toàn bộ trị giá hàng hóa nhập khẩu”.

Quy định như trên nhằm ngăn chặn tình trạng tổ chức, cá nhân lợi dụng chính sách miễn thuế để chia, tách hàng hóa nhằm mục đích trốn thuế khi thực hiện mua bán hàng hóa qua giao dịch thương mại điện tử.

Đồng thời, để hạn chế việc lợi dụng chính sách ưu đãi về thuế đối với hàng hóa gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh, bưu chính theo quy định tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP cũng như để đồng bộ chính sách ưu đãi về thuế giữa hàng hóa gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh, bưu chính với hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử, Bộ Tài chính đề xuất định mức miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa gửi qua dịch vụ bưu chính phải được áp dụng theo định mức đối với hàng nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử như đề xuất trên.

*** Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân đối với dự thảo Nghị định quy định về đào tạo chuyên sâu đặc thù trong lĩnh vực nghệ thuật.**

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho biết, ngày 19/11/2018, Quốc hội đã thông qua Luật số 34/2018/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học (Luật số 34/2018/QH14), có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2019, trong đó có giao Chính phủ quy định chi tiết về trình độ đào tạo, văn bằng, chứng chỉ đào tạo đối với một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù, cụ thể: Tại Khoản 3 Điều 1 Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Luật Giáo dục đại học về trình độ và hình thức đào tạo của giáo dục đại học trong đó quy định: “Chính phủ quy định trình độ đào tạo đối với một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù”.

Trong những năm qua, những chủ trương chính sách của Đảng trong lĩnh vực văn hóa đã được triển khai thực hiện và đi vào cuộc sống thông qua các chương trình đề án và đạt hiệu quả thiết thực. Tuy nhiên, một số nội dung chưa được cụ thể hóa trong các văn bản pháp luật. Vì vậy, việc xây dựng Nghị định quy định về đào tạo chuyên sâu đặc thù trong lĩnh vực nghệ thuật là rất cần thiết và có cơ sở pháp lý theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước, đổi mới đào tạo nhân lực lĩnh vực văn hóa nghệ thuật theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Tại Khoản 5 Điều 3, Khoản 1 Điều 19 Luật Giáo dục nghề nghiệp (Luật số 74/2014/QH13 ngày 27/11/2014) quy định các cơ sở giáo dục đại học được phép tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp khi đủ điều kiện theo luật định. Tuy nhiên, ngày 14/10/2016, Chính phủ ban hành Nghị định số 143/2016/NĐ-CP quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, trong đó, tại Khoản 2, Điều 14 quy định: Cơ sở giáo dục đại học được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, khi có đủ các điều kiện sau đây: Các ngành, nghề đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp có trong danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành... Đồng thời, tại Khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018 quy định: Trường đại học, học viện là cơ sở giáo dục đại học đào tạo, nghiên cứu nhiều ngành, được cơ cấu tổ chức theo quy định của Luật này.

Theo các văn bản nêu trên, chỉ quy định cơ sở giáo dục đại học (trường đại học, học viện) thuộc danh mục ngành nghề đào tạo trình độ cao đẳng do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, không quy định cơ sở giáo dục đại học được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp. Điều này, gây khó khăn, bất cập và không phù hợp đối với đào tạo chuyên sâu đặc thù trong lĩnh vực nghệ thuật và ảnh hưởng lớn đến chất lượng đào tạo và nhân lực hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật ở Việt Nam và hội nhập quốc tế; ảnh hưởng đến việc bảo tồn và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Vì vậy, việc quy định các cơ sở giáo dục đại học tiếp tục được đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cần được đưa vào Nghị định quy định về đào tạo chuyên sâu đặc thù trong lĩnh vực nghệ thuật trên cơ sở cụ thể hóa điểm 4, Khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018.

Tại Khoản 2 điều 13 Luật Giáo dục nghề nghiệp quy định: Thời gian đào tạo trình độ trung cấp theo niên chế đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên là từ 1 đến 2 năm học tùy theo chuyên ngành hoặc nghề đào tạo... Theo quy định về thời gian đào tạo trình độ trung cấp nêu trên dẫn đến tình trạng bất cập, không phù hợp với thực tế đào tạo các ngành nghệ thuật chuyên sâu đặc thù. Vì vậy, thời gian đào tạo trình độ trung cấp cần được quy định trong Nghị định quy định về đào tạo chuyên sâu đặc thù trong lĩnh vực nghệ thuật, trên cơ sở cụ thể hóa Khoản 3 Điều 6 Luật Giáo dục năm 2019.

Để tháo gỡ những khó khăn đối với hoạt động đào tạo nghệ thuật có tính chuyên sâu đặc thù, việc có những văn bản quy định riêng đối với lĩnh vực đào tạo này là rất cần thiết và cần có sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa Bộ quản lý ngành và quản lý theo lĩnh vực. Vì vậy, trong dự thảo Nghị định đã quy định nhiệm vụ của các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Lao động - Thương binh và Xã hội; Giáo dục và Đào tạo đối với các nội dung liên quan đến tổ chức hoạt động đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng và các trình độ của giáo dục đại học chuyên sâu đặc thù lĩnh vực nghệ thuật theo Luật định.

Theo dự thảo Nghị định, ngành, nghề đào tạo chuyên sâu đặc thù trong lĩnh vực nghệ thuật là các ngành, nghề đào tạo thuộc các lĩnh vực: Âm nhạc, múa, xiếc, tạp kỹ, sân khấu, điện ảnh và mỹ thuật.

Cơ sở giáo dục đại học chuyên sâu đặc thù trong lĩnh vực nghệ thuật là cơ sở đào tạo các ngành, nghề nghệ thuật chuyên sâu đặc thù; đào tạo đồng thời nhiều trình độ, từ trình độ trung cấp lên cao đẳng, đại học và sau đại học; giảng viên đồng thời giảng dạy nhiều trình độ, vừa tham gia biểu diễn và sáng tạo nghệ thuật; cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết yếu phục vụ đào tạo có yêu cầu đặc thù riêng.

Bên cạnh đó, dự thảo nêu rõ cơ sở giáo dục nghề nghiệp chuyên sâu đặc thù trong lĩnh vực nghệ thuật là cơ sở đào tạo các ngành, nghề nghệ thuật chuyên sâu đặc thù trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; nhà giáo đồng thời vừa giảng dạy vừa tham gia biểu diễn và sáng tạo nghệ thuật; cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết yếu phục vụ đào tạo có yêu cầu đặc thù riêng.

Ngoài ra, dự thảo cũng nêu rõ mục tiêu đào tạo chuyên sâu đặc thù là phát hiện, tuyển chọn học sinh có năng khiếu nghệ thuật để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là nòng cốt, chủ đạo trong hoạt động văn hóa nghệ thuật của đất nước; có đức, có tài, có năng lực biểu diễn và sáng tạo nghệ thuật mang tầm quốc gia, quốc tế; bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa nghệ thuật của Việt Nam và tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại.

Nguồn: baochinhpvu.vn

HÀ NỘI: LẤY Ý KIẾN NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP VỀ CHỈ SỐ HÀI LÒNG ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC; THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH TỐI ĐA LÀ 100 ĐIỂM

*** Lấy ý kiến người dân, doanh nghiệp về Chỉ số hài lòng đối với sự phục vụ của cơ quan nhà nước**

Ngày 20/9, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Kế hoạch số 211/KH-UBND về triển khai đánh giá, tự chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của TP. Hà Nội.

Theo đó, từ tháng 9/2021, Sở Nội vụ Hà Nội dự kiến lấy 211 mẫu phiếu điều tra xã hội học từ các đối tượng để đánh giá, tự chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của thành phố, trong đó: 50 người là đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội; 57 người là lãnh đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; 95 người là lãnh đạo đơn vị thuộc, trực thuộc cơ quan chuyên môn thành phố; 9 người là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bên cạnh đó, Sở Nội vụ lấy mẫu phiếu từ người dân, doanh nghiệp để thực hiện điều tra xã hội học về Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan nhà nước.

Sau khi hoàn thành nội dung trên, tháng 01/2022, Sở Nội vụ sẽ tổ chức đánh giá và tự chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của TP. Hà Nội.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội yêu cầu các sở, ngành, địa phương liên quan, trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, tiến độ thời gian, trách nhiệm trong triển khai kế hoạch phải xác định rõ ràng, phù hợp với điều kiện cụ thể. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã trong triển khai thực hiện kế hoạch xác định đánh giá, tự chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính của thành phố Hà Nội.

Việc đánh giá, chấm điểm bảo đảm chính xác, trung thực, khách quan và theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Đồng thời, bảo đảm thời gian hoàn thành việc đánh giá, tự chấm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2021 của thành phố và gửi báo cáo kết quả kèm theo tài liệu kiểm chứng về Bộ Nội vụ theo đúng thời gian quy định.

*** Thang điểm đánh giá Chỉ số cải cách hành chính các cơ quan hành chính tối đa là 100 điểm**

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 4210/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 về việc ban hành Chỉ số cải cách hành chính của các sở, cơ quan tương đương sở và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025.

Theo đó, bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính áp dụng cho các sở, quận, huyện được cấu trúc thành 8 nội dung đánh giá. Cụ thể là: Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công; xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; tác động cải cách hành chính đến phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội.

Thang điểm đánh giá nội dung trên là 100 điểm, trong đó điểm đánh giá qua thẩm định tối đa là 70/100; điểm đánh giá qua điều tra xã hội học tối đa là 30/100.

Đánh giá của Hội đồng thẩm định, gồm: Các sở, các quận, huyện tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc theo các tiêu chí được quy định trong Chỉ số cải cách hành chính và hướng dẫn của Sở Nội vụ; điểm tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị được Hội đồng Thẩm định của thành phố thẩm định để xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh (nếu cần thiết).

Đánh giá qua điều tra xã hội học, gồm: Các tiêu chí đánh giá qua điều tra xã hội học được quy định trong Chỉ số cải cách hành chính; bộ câu hỏi điều tra xã hội học được xây dựng với số lượng, nội dung câu hỏi tương ứng với các tiêu chí được đánh giá qua điều tra xã hội học quy định trong Chỉ số cải cách hành chính.

Theo quy định, điểm đạt được là tổng hợp điểm qua điều tra xã hội học và điểm Hội đồng Thẩm định thành phố thẩm định, đánh giá và là căn cứ xác định Chỉ số cải cách hành chính của từng cơ quan, đơn vị. Chỉ số thành phần theo nội dung, tiêu chí được xác định bằng tỷ lệ phần trăm giữa điểm đạt được và điểm tối đa của từng nội dung, tiêu chí.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giao các sở, cơ quan tương đương sở, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã triển khai việc xác định Chỉ số cải cách hành chính trong phạm vi trách nhiệm của cơ quan, đơn vị theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 6677/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính của các sở, cơ quan ngang sở, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội giai đoạn 2017 - 2020.

Nguồn: hanoimoi.com.vn

CẦN THƠ: BAN HÀNH QUY CHẾ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ ban hành Quy chế đánh giá, xếp hạng công tác cải cách hành chính của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP. Cần Thơ, Ủy ban nhân dân quận, huyện, xã, phường, thị trấn.

Quy chế nhằm đánh giá toàn diện, chính xác tình hình, kết quả cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, làm cơ sở để xem xét, biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, chấn chỉnh hạn chế, thiếu sót và xử lý trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị vi phạm quy định về cải cách hành chính. Đồng thời, tăng cường trách nhiệm, sự chủ động của người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị trong công tác cải cách hành chính. Việc đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách hành chính được thực hiện định kỳ hằng năm. Các đơn vị, địa phương thực hiện tự đánh giá, chấm điểm; phê duyệt báo cáo và hoàn thành việc nhập dữ liệu kết quả vào phần mềm chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính do Sở Nội vụ quản lý, chậm nhất là ngày 7/01 của năm sau liền kề năm đánh giá.

Cơ quan, đơn vị sẽ bị trừ điểm nếu có đơn thư tố cáo, kiến nghị đúng sự thật về thái độ, hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu của cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng, ban chuyên môn do cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý. Hoặc người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên; thực hiện không tốt các nội dung quản lý được báo chí phản ánh (đúng sự thật). Các đơn vị sẽ được điểm cộng khi thứ hạng các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong các bộ Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh thuộc phạm vi phụ trách tăng so với năm trước (áp dụng đối với sở, ngành) và chỉ số hài lòng của các đơn vị hành chính cấp xã đạt trên 85% (đối với cấp huyện).

Nguồn: baocantho.com.vn

LÀO CAI: THÁO GỠ KHÓ KHĂN GIÚP DOANH NGHIỆP PHỤC HỒI SẢN XUẤT, KINH DOANH

Sáng ngày 22/9, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai tổ chức Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp, để lắng nghe các ý kiến, kiến nghị của doanh nghiệp và bàn các giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, phục hồi kinh tế địa phương.

Do tác động của dịch COVID-19, tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai bị ảnh hưởng rất lớn. Dù tăng trưởng kinh tế của tỉnh Lào Cai vẫn duy trì, song các chỉ tiêu đều thấp hơn so với kế hoạch đề ra. Tỉnh Lào Cai đã nhanh chóng, tích cực triển khai các giải pháp điều hành phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh và hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, kịp thời ứng phó với dịch COVID-19.

Tại Hội nghị, các doanh nghiệp đã nêu 35 kiến nghị, trong đó có 23 ý kiến về du lịch, 8 ý kiến về xuất khẩu, 4 ý kiến về xây dựng; tập trung vào các quy định về phòng chống dịch, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp giảm chi phí và tiếp cận nguồn lực, cải cách hành chính và điều chỉnh các quy định chồng chéo, không phù hợp.

Đối với các công trình xây dựng trọng điểm, đề nghị cần đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho xe vận chuyển nguyên vật liệu, công nhân... để nhanh chóng hoàn thành. Với các dự án đầu tư xây dựng có tầm ảnh hưởng lớn, tác động mạnh đến kinh tế địa

phương cần được hỗ trợ đẩy nhanh quá trình thủ tục hành chính, cho khởi công tạo động lực phát triển nhanh.

Đối với xuất khẩu, các doanh nghiệp kiến nghị tỉnh đàm phán với phía Hà Khẩu (Trung Quốc) khai rộng thông quan nông sản, nhất là thanh long và chuối, dứa. Đối với du lịch Sa Pa, cần đẩy nhanh phủ vaccine cho nhân lực du lịch tại đây để kịp phục hồi và tăng trưởng nhanh khi dịch COVID-19 được ngăn chặn và đẩy lùi.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Trịnh Xuân Trường tiếp thu các kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp, giao các cơ quan chức năng, từng đơn vị, bộ phận của tỉnh khẩn trương xem xét, đề xuất cách giải quyết hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Tỉnh Lào Cai tiếp tục đẩy mạnh hỗ trợ xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu các mặt hàng, sản phẩm của tỉnh, mở rộng thị trường, kênh phân phối nội địa, các sàn thương mại điện tử; hỗ trợ doanh nghiệp tăng cường ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động xuất nhập khẩu, nhằm giới thiệu, quảng bá và xúc tiến xuất khẩu cho những nhóm hàng hóa có lợi thế của tỉnh.

Tỉnh Lào Cai chỉ đạo Cục Thuế tỉnh rà soát, hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp đăng ký kê khai các thủ tục để được gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo quy định; kịp thời giải quyết thủ tục hoàn thuế cho doanh nghiệp.

Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn rà soát, kịp thời có phương án cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi vay; phối hợp các hiệp hội doanh nghiệp đẩy mạnh thực hiện các chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp, đặc biệt quan tâm đến việc giảm lãi suất cho vay đối với các ngành, lĩnh vực chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch COVID-19.

Nguồn: nhandan.vn

THỪA THIÊN - HUẾ: BAN HÀNH KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

Triển khai Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thừa Thiên - Huế lần thứ XVI nhiệm kỳ 2020 - 2025, ngày 10/9/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế ra Quyết định số 2243/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh.

Kế hoạch đặt mục tiêu tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm giải trình; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ; hệ thống cơ quan hành chính nhà nước các cấp tinh gọn, hoạt động hiệu

lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ Nhân dân; Nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là mục tiêu phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

Kế hoạch Cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Thừa Thiên - Huế tập trung vào 6 nội dung, đó là: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công và xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số. Trọng tâm được xác định là: Cải cách thể chế, trong đó tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tính đồng bộ, hợp hiến, hợp pháp và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước, địa phương; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số. Đồng thời, Kế hoạch cũng xác định các chỉ tiêu và nhiệm vụ cụ thể đặt ra ở mỗi nội dung của cải cách hành chính.

Để hoàn thành các mục tiêu, tỉnh đề ra giải pháp thực hiện, trong đó tập trung vào: Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh; Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội; Bố trí đủ nguồn tài chính và nhân lực cho cải cách hành chính; Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với tạo động lực cải cách trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện Bộ chỉ số đánh giá, xếp loại công tác cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan hành chính theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong đánh giá; Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai và tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các chủ trương, biện pháp về cải cách hành chính; đẩy mạnh cải cách hành chính gắn liền với ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng ISO nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước trên địa bàn tỉnh; Tăng cường và thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác cải cách hành chính tại đơn vị, địa phương.

Trong quá trình triển khai, Sở Nội vụ là cơ quan thường trực giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Kế hoạch này tại địa phương.

Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

ĐỒNG NAI: ĐỐI THOẠI, THÁO GỖ VƯỚNG MẮC, TIẾP SỨC DOANH NGHIỆP FDI VƯỢT ĐẠI DỊCH

Ngày 18/9, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tổ chức Hội nghị gặp gỡ, đối thoại với các hiệp hội, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) để ghi nhận, giải quyết những

khó khăn, kiến nghị của doanh nghiệp. Qua đối thoại, tỉnh Đồng Nai sẽ đưa ra những chính sách hỗ trợ, giúp doanh nghiệp vượt qua khó khăn, phục hồi sản xuất, kinh doanh trong bối cảnh dịch COVID-19 diễn biến phức tạp.

Mặc dù bị ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, nhưng thời gian qua, các doanh nghiệp tại Đồng Nai vẫn cố gắng duy trì sản xuất kinh doanh. Tính đến nay, tỉnh Đồng Nai đã thu hút 43 quốc gia, vùng lãnh thổ đầu tư vào tỉnh với 1.559 dự án với tổng vốn đăng ký gần 32,35 tỷ USD. Riêng 8 tháng của năm 2021, thu hút vốn FDI được hơn 975 triệu USD.

Trong đợt dịch COVID-19 lần thứ 4, để duy trì sản xuất, có 1.143 doanh nghiệp đăng ký thực hiện phương án “3 tại chỗ”, “1 cung đường, 2 địa điểm”, chiếm 73,3% tổng số doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, có một số doanh nghiệp FDI thực hiện phương án “3 tại chỗ” nhưng không thể kéo dài quá 2 tuần đã phải dừng hoạt động; số còn lại tiếp tục duy trì sản xuất cũng gặp rất nhiều khó khăn.

Tại buổi đối thoại, các hiệp hội, doanh nghiệp FDI đánh giá cao môi trường đầu tư của Đồng Nai; cơ bản đồng tình với phương án phòng chống dịch COVID-19 do cơ quan chức năng triển khai. Đồng thời cho rằng, chính quyền tỉnh Đồng Nai đã kịp thời hỗ trợ, giải quyết các thủ tục trong quá trình doanh nghiệp triển khai phương án "3 tại chỗ" (công nhân làm việc, ăn ở tại công ty).

Theo đại diện các hiệp hội, doanh nghiệp, để ngăn chặn dịch COVID-19 lây lan rộng, duy trì chuỗi sản xuất, những tháng qua hàng loạt doanh nghiệp ở Đồng Nai đã cho công nhân lưu trú tại công ty. Quá trình thực hiện "3 tại chỗ", doanh nghiệp phải bỏ thêm nhiều chi phí lo ăn ở, phụ cấp cho người lao động, xét nghiệm COVID-19; số công nhân lưu trú không đáp ứng đủ nhu cầu của doanh nghiệp.

Việc lưu trú trong thời gian dài ảnh hưởng đến thể chất và tinh thần của người lao động. Đến nay, doanh nghiệp đã được ngành chức năng phân bổ vaccine phòng COVID-19 để tiêm cho công nhân, song số lượng phân bổ ít, chưa đáp ứng nhu cầu.

Nhiều doanh nghiệp cho rằng, từ ngày 20/9, Đồng Nai chính thức triển khai kế hoạch từng bước khôi phục các hoạt động kinh tế - xã hội, đảm bảo phòng, chống dịch COVID-19, đây là điều đáng mừng, tạo tiền cho doanh nghiệp sớm phục hồi sản xuất. Tuy nhiên, chính quyền cần xem xét, nới lỏng một số tiêu chí trong kế hoạch, nhất là quy định về tỷ lệ tiêm vaccine, thông thương hàng hóa, đi lại của người lao động.

Tại buổi đối thoại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Cao Tiến Dũng đã trả lời tất cả những câu hỏi, thắc mắc của các hiệp hội, doanh nghiệp FDI. Đồng thời, khẳng định chính quyền tỉnh Đồng Nai rất chia sẻ, thấu hiểu những khó khăn của doanh nghiệp, người lao động.

Ông Cao Tiến Dũng khẳng định: Phương châm nhất quán của tỉnh Đồng Nai là "chính quyền đồng hành cùng doanh nghiệp", tỉnh sẽ tạo mọi điều kiện, sớm tháo gỡ vướng mắc, giúp doanh nghiệp vượt qua khó khăn, nhanh chóng phục hồi sản xuất. Hiện nay, dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai vẫn đang diễn biến rất phức tạp nên việc nới lỏng các biện pháp, quy định phòng, chống dịch sẽ được tỉnh thực hiện theo lộ trình.

Hiện nay, việc thông thương hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được thực hiện theo "luồng xanh", không có chuyện cản trở. Về đi lại giữa các địa phương trong vùng Đông Nam bộ, các tỉnh, thành phố trong vùng đã thống nhất thành lập Tổ giải quyết liên vùng, sắp tới Tổ này sẽ đưa ra những quy định cụ thể áp dụng cho cả vùng Đông Nam bộ.

Theo Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai Nguyễn Hồng Lĩnh, ngành chức năng tỉnh Đồng Nai không tạo ra các loại giấy phép "con", làm tăng chi phí của doanh nghiệp. Để đảm bảo sức khỏe cho người lao động, tạo miễn dịch trong các nhà máy, tới đây Đồng Nai sẽ tiếp tục phân bổ vaccine phòng COVID-19 cho doanh nghiệp; điều trị, cách ly những công nhân nhiễm, tiếp xúc gần với ca mắc COVID-19.

Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai mong muốn, thời gian tới doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp tục nỗ lực, khắc phục khó khăn nhằm đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, gắn với thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19.

Tỉnh Đồng Nai triển khai các biện pháp phòng, chống dịch là để bảo vệ sức khỏe, tính mạng của cả cộng đồng, gián tiếp bảo vệ tính bền vững trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp cũng như nền kinh tế. Do đó, doanh nghiệp cần xác định phòng, chống dịch là bảo vệ chính mình để từ đó nâng cao ý thức, không để dịch lây lan.

Nguồn: baochinhpvu.vn

AN GIANG: TIẾP TỤC CẢI THIỆN CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN VÀ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ngày 20/9, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Nguyễn Thanh Bình ký Quyết định 1020 /UBND-TH về việc triển khai thực hiện các nội dung sau Hội nghị trực tuyến công bố Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2020 và Chỉ số cải cách hành chính năm 2020.

Theo đó, để tiếp tục cải thiện, nâng cao Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và Chỉ số cải cách hành chính tỉnh An Giang năm 2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang chỉ đạo:

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương phải phát huy, nêu cao trách nhiệm người đứng đầu trong công tác cải cách hành chính; quan tâm lãnh, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Trong đó, kịp thời rà soát kết quả các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Bộ Chỉ số cải cách hành chính của cơ quan chưa đạt điểm hoặc chưa đạt điểm tối đa, những tiêu chí về Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức còn ở mức thấp. Phân công trách nhiệm cụ thể cho tập thể, cá nhân có liên quan nghiên cứu, tham mưu thực hiện các giải pháp khắc phục, cải thiện trong năm 2021.

Chủ động nghiên cứu, học tập kinh nghiệm của các địa phương khác để áp dụng phù hợp vào tình hình thực tiễn của tỉnh; chú trọng thí điểm, nhân rộng những mô hình, sáng kiến hay mang lại hiệu quả trong công tác cải cách hành chính.

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về ý nghĩa, kết quả các chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hài lòng đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người dân, tổ chức để nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm và sự đồng thuận xã hội đối với công tác cải cách hành chính; tiếp tục có những biện pháp, giải pháp mới, đột phá, phù hợp để cải thiện, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công cho người dân, tổ chức.

Nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Công văn số 733/UBND-TH của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc triển khai thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2021.

Tập trung triển khai, hoàn thành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc thực hiện cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là đối với các cơ quan chủ trì thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong kế hoạch cải cách hành chính tỉnh An Giang năm 2021.

Gắn công tác thi đua, khen thưởng với công tác cải cách hành chính; đồng thời nghiêm túc kiểm điểm, phê bình đối với tập thể, cá nhân thực hiện chưa tốt, thiếu trách nhiệm trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

Nguồn: baoangiang.com.vn

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU CƠ BẢN CỦA BỘ NỘI VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

Ngày 16/10/2015, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ký ban hành Quyết định số 1585/QĐ-BNV Phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và Công nghệ của ngành Nội vụ giai đoạn 2015 - 2025. Chiến lược đã đưa ra những định hướng nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ ngành Nội vụ cụ thể trong từng lĩnh vực thuộc ngành Nội vụ.

I. Thực trạng nghiên cứu cơ bản ở Bộ Nội vụ

Trong giai đoạn 2016 - 2020, dưới sự định hướng và quan tâm, chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Nội vụ, công tác nghiên cứu khoa học nói chung, trong đó có nghiên cứu cơ bản được chú trọng đầu tư và đã đạt được những kết quả nhất định. Cụ thể như sau:

Ngày 16/10/2015, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ký ban hành Quyết định số 1585/QĐ-BNV Phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và Công nghệ của ngành Nội vụ giai đoạn 2015 - 2025 (sau đây gọi tắt là Chiến lược). Chiến lược đã đưa ra những định hướng nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ ngành Nội vụ cụ thể trong từng lĩnh vực thuộc ngành Nội vụ. Đối với việc nghiên cứu cơ bản những vấn đề lý luận và thực tiễn của khoa học tổ chức và tổ chức nhà nước, Chiến lược cũng xác định các nội dung trọng tâm nghiên cứu bao gồm: đối tượng, phương pháp luận, nhiệm vụ của khoa học tổ chức; mối liên hệ của khoa học tổ chức và các lĩnh vực khoa học khác, quá trình phát triển, những vấn đề thực tiễn của khoa học tổ chức; đối tượng phương pháp luận, nhiệm vụ của khoa học tổ chức nhà nước; mối liên hệ của khoa học tổ chức nhà nước và các lĩnh vực khoa học khác, quá trình phát triển, những vấn đề thực tiễn của khoa học tổ chức nhà nước; mối liên hệ giữa khoa học tổ chức nhà nước và công tác tổ chức nhà nước.

Căn cứ những định hướng đề ra trong Chiến lược, giai đoạn 2016 - 2020, các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ đã triển khai nhiều nhiệm vụ khoa học và công nghệ độc lập cấp Quốc gia và nhiệm vụ cấp Bộ, nội dung nghiên cứu cơ bản tập trung vào các vấn đề như:

Về khoa học tổ chức nhà nước: Bộ Nội vụ, Viện Khoa học tổ chức nhà nước và các đơn vị thuộc Bộ đã tổ chức một số Hội thảo khoa học, nhiệm vụ khoa học và công nghệ về khoa học tổ chức; khoa học tổ chức nhà nước với việc hoàn thiện tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước Việt Nam...; trong đó, đã nghiên cứu các vấn đề như vai trò của khoa học tổ chức tổ chức nhà nước, những quan điểm hiện đại về tổ chức; đối tượng, nội dung, phương pháp luận của khoa học tổ chức, khoa học tổ chức nhà nước và công tác tổ chức nhà nước... Những kết quả nghiên cứu trên đã đặt những nền móng, hình thành và làm dày dặn hơn những luận cứ khoa học về khoa học tổ chức nhà nước

Về những vấn đề thực tiễn của khoa học tổ chức nhà nước, mối liên hệ giữa khoa học tổ chức nhà nước và công tác tổ chức nhà nước:

Nghị định số 34/2017/NĐ-Cp ngày 03/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ đã quy định: “Bộ Nội vụ là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực: tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức

nhà nước; đào tạo bồi dưỡng về chuyên ngành hành chính và quản lý nhà nước; hội, tổ chức phi chính phủ; thi đua khen thưởng; tôn giáo; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên và quản lý nhà nước đối với các dịch vụ công thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ theo quy định của pháp luật”. Như vậy, chức năng, nhiệm vụ của Bộ Nội vụ có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ của khoa học tổ chức và ứng dụng các nguyên lý, phương pháp của khoa học tổ chức khi thiết kế tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và tổ chức nhà nước.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ của Bộ trong lĩnh vực tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước, cần phải hiểu và vận dụng đúng các quy luật, các quan điểm, nguyên tắc, các yêu cầu, các phương pháp và các thành tựu của khoa học tổ chức. Trong giai đoạn vừa qua, Bộ Nội vụ đã tập trung nghiên cứu các vấn đề cụ thể như: kiểm soát quyền lực nhà nước của cơ quan hành pháp với cơ quan lập pháp và cơ quan tư pháp; đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; cơ sở khoa học tổ chức đơn vị hành chính, xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương các cấp (chính quyền đô thị, mô hình tổ chức chính quyền ở các đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, cấp xã); thực hiện chức năng cung cấp dịch vụ công của Nhà nước; xây dựng và kiện toàn đội ngũ nhân lực trong khu vực công (cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã)...

Các nhiệm vụ nghiên cứu trên hầu hết đã đi vào phân tích những vấn đề cơ bản và cấp bách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, góp phần cung cấp luận cứ, số liệu và giải pháp có tính khoa học, khả thi cho các cơ quan, đơn vị có thể ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn công tác quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ. Cụ thể, các nội dung nghiên cứu trên đã góp phần cung cấp các cơ sở lý luận và thực tiễn trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Bộ tham mưu cho Chính phủ về lĩnh vực tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước như trong việc xác định cơ cấu, thiết kế tổ chức bộ máy của Chính phủ (cơ cấu tổ chức Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021; nhiệm kỳ 2021 - 2026; sửa đổi Luật Tổ chức Chính phủ); các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; cơ cấu tổ chức của các đơn vị tổ chức thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cũng như thẩm định các đề án, các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị nói trên; hướng dẫn tiêu chí chung để thực hiện phân loại, xếp hạng các tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước; chủ trì phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành thông tư hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện..

Tương tự, trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chính quyền địa phương, về địa giới hành chính, về quản lý cán bộ, công chức, viên chức, về hội, tổ chức phi chính phủ, về thi đua khen thưởng, tôn giáo... cần thiết phải áp dụng, vận dụng những tri thức, những quy luật, quan điểm, nguyên tắc, yêu cầu và phương pháp của khoa học tổ chức, khoa học tổ chức nhà nước vào giải quyết, thực hiện các nhiệm vụ về sắp xếp tổ chức bộ máy, con người và các điều kiện cơ sở vật chất, các nguồn lực cần thiết để thực hiện đưa chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của các lĩnh vực này vào thực tiễn cuộc sống.

Nhiều nhiệm vụ khoa học đã được triển khai đã góp phần rất lớn cho việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước của Bộ trong các lĩnh vực trên như: quản lý biên chế công chức trên

cơ sở tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm; về quản lý nguồn nhân lực khu vực công dựa trên năng lực - lý luận và thực tiễn...; về mối quan hệ giữa nhà nước và các hội trong điều kiện hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay... Cơ sở khoa học của quản lý nhà nước về tín ngưỡng...

Tuy nhiên, bên cạnh những thành công đã đạt được, trong giai đoạn vừa 2016 - 2020, các nhiệm vụ khoa học nghiên cứu cơ bản so với tương quan tổng số các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được triển khai vẫn còn hạn chế về số lượng, nhiều vấn đề thực tiễn đặt ra nhưng chưa được nghiên cứu cơ bản, có căn cứ lý luận giải đáp như việc hợp nhất các tổ chức Đảng và cơ quan nhà nước, chế độ tiền lương theo vị trí việc làm, xây dựng cơ cấu ngạch công chức...

II. Một số định hướng nghiên cứu cơ bản trong thời gian tới

Trên cơ sở bám sát các định hướng nghiên cứu khoa học và công nghệ của Bộ và ngành Nội vụ trong Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ngành Nội vụ 2015 - 2025, thời gian tới cần xây dựng cơ cấu hợp lý giữa nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản với nhiệm vụ nghiên cứu xây dựng chiến lược, cơ chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, ngành Nội vụ. Tiếp tục đầu tư và tập trung hơn nữa nghiên cứu những vấn đề lý luận về khoa học tổ chức, khoa học tổ chức nhà nước; Khoa học tổ chức nhà nước với việc hoàn thiện tổ chức bộ máy hành chính nhà nước Việt Nam, cung cấp luận cứ khoa học phục vụ xây dựng và hoàn thiện bộ máy hành chính nhà nước từ trung ương xuống địa phương; đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước, chế độ công chức, công vụ; quản lý công tác văn thư, lưu trữ; tôn giáo; thi đua khen thưởng... góp phần thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của ngành đến năm 2025. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn của khoa học tổ chức: khái niệm, đối tượng, phương pháp luận của khoa học tổ chức; nhiệm vụ của khoa học tổ chức; nguyên tắc thiết kế mô hình tổ chức; các lý thuyết, trường phái và mô hình tổ chức. Mối liên hệ của khoa học tổ chức với các lĩnh vực khoa học khác.

Thứ hai, nghiên cứu quá trình phát triển của khoa học tổ chức; những vấn đề thực tiễn của khoa học tổ chức.

Thứ ba, nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về hoạt động tổ chức nhà nước với tư cách là một khoa học: Đối tượng, phương pháp luận của khoa học tổ chức nhà nước; nhiệm vụ của khoa học tổ chức nhà nước; mối liên hệ của khoa học tổ chức nhà nước với các lĩnh vực khoa học khác; sự phát triển của khoa học tổ chức nhà nước; những vấn đề thực tiễn của khoa học tổ chức nhà nước; mối liên hệ giữa khoa học tổ chức nhà nước và công tác tổ chức nhà nước.

Thứ tư, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của bộ máy nhà nước (chức năng, cấu trúc, phương thức hoạt động, nguồn nhân lực).

Thứ năm, đề xuất các khuyến nghị hoàn thiện bộ máy Nhà nước và bộ máy hành chính Nhà nước Việt Nam.

Thứ sáu, nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến công tác quản lý công tác văn thư, lưu trữ; tôn giáo; thi đua khen thưởng, thanh niên...

TS. Lê Anh Tuấn, Phó Viện trưởng, Viện Khoa học tổ chức nhà nước, Bộ Nội vụ

Nguồn: isos.gov.vn

ĐỀ THỨC ĐẨY THỰC HIỆN MỘT CỬA VÀ MỘT CỬA LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Theo Văn phòng Chính phủ, quán triệt và triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, đến nay, cả nước đã có 59 địa phương tổ chức Trung tâm hành chính công; 100% các Bộ, ngành, địa phương đã kiện toàn hệ thống một cửa, một cửa liên thông, ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; chất lượng giải quyết hồ sơ đã có sự cải thiện rõ rệt, hầu hết các địa phương tỷ lệ giải quyết đúng hạn từ 90% trở lên.

Việc triển khai thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, đơn vị đã góp phần đem lại nhiều kết quả trong cải cách thủ tục hành chính, tạo nhiều thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi có nhu cầu giải quyết công việc tại các cơ quan hành chính nhà nước các cấp Trung ương và địa phương.

Việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính (kể cả hồ sơ nộp trực tiếp) theo hướng phi địa giới hành chính đã được triển khai ở một số lĩnh vực có cơ sở dữ liệu tập trung (như Giấy phép lái xe) mang hiệu quả lớn đối với xã hội, nhất là khi chúng ta triển khai số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính với nhiều cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin được đưa vào vận hành và có sự kết nối, chia sẻ dữ liệu với nhau.

Việc cho phép doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đã được giao thực hiện việc tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp theo quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg cũng đã góp phần tối ưu hóa năng suất, chất lượng hiệu quả hoạt động của bộ phận một cửa...

Tuy nhiên, trên thực tế do nhiều nguyên nhân, nên việc thực hiện cơ chế một cửa liên thông mới chủ yếu đơn thuần xử lý theo hướng thống nhất đầu mối, quy trình phối hợp thực hiện giữa các cơ quan. Hơn nữa, quy trình phối hợp này và việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính vẫn chủ yếu theo phương thức truyền thống, hồ sơ giấy, nhất là ở các địa phương (với tỷ lệ khoảng tới 93,7%).

Thâm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức trong việc tham gia vào quá trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính chưa được làm rõ, trong khi chưa hình thành cơ chế giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính đồng bộ theo thời gian thực từ hệ thống một cửa các cấp; Đặc biệt, chưa có quy định về lưu trữ điện tử đối với hồ sơ thủ tục hành chính dẫn đến việc lúng túng, thiếu thống nhất, chậm trễ trong thực hiện số hóa.

Việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, hồ sơ, giấy tờ trong thực hiện thủ tục hành chính tại các “Bộ phận một cửa” các cấp trên cơ sở kết nối chia sẻ dữ liệu của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành với Hệ thống một cửa

điện tử để sử dụng lại các hồ sơ, giấy tờ điện tử, giảm các thủ tục kiểm tra, xác nhận,... chưa được thực hiện.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã khai trương, đi vào thực hiện, là nền tảng quan trọng hình thành danh tính số duy nhất của người dân, doanh nghiệp, nhưng việc triển khai sử dụng danh tính số trong tiếp nhận, xử lý hồ sơ thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông chưa có giải pháp cụ thể để bảo đảm thống nhất, hiệu quả trong triển khai thực hiện.

Ngoài ra, cũng còn nhiều hạn chế trong kinh phí đầu tư cho việc bảo đảm cơ sở vật chất kỹ thuật, diện tích và thiết bị làm việc (cả phần cứng và mềm công nghệ thông tin), năng lực cán bộ và trình độ dân trí trong hoạt động tác nghiệp của các Bộ phận một cửa...

Quá trình phối hợp giữa phường, xã, quận, huyện, tỉnh, thành phố thiếu đồng bộ... Tất cả khiến Bộ phận, văn phòng "một cửa" có nơi hoạt động còn hình thức; sử dụng biểu mẫu chưa phù hợp, xác định thời gian hẹn trả hồ sơ chưa đúng quy định.

Thủ tục hành chính vẫn còn rườm rà, phức tạp, vừa thừa lại hay thay đổi, cho nên khó thực hiện "một cửa liên thông". Người dân, doanh nghiệp làm thủ tục hành chính còn bị gây nhiễu, tiêu cực, nhất là việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ về đất đai.

Những hạn chế trên không chỉ làm chậm trễ việc cung cấp thông tin cho chỉ đạo, điều hành, xử lý các bất cập, các hành vi nhiễu, tiêu cực, mà còn làm khó cho việc tạo dựng, duy trì, phát triển và phát huy được hiệu quả của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, cũng như không khuyến khích được người dân, doanh nghiệp tham gia vào quá trình chuyển đổi số. Một số nơi, lĩnh vực cho thấy có sự quá tải trong việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính...

Để khắc phục những bất cập, hạn chế nêu trên, nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, tăng năng suất lao động, góp phần hình thành công dân số, doanh nghiệp số trong xây dựng Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số cần thúc đẩy đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng: Mở rộng việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính; Gắn với số hóa và sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, tập trung gắn kết việc số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính với quá trình tiếp nhận, xử lý thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa; Đổi mới tổ chức và xây dựng, kết nối, chia sẻ các kho dữ liệu quản lý (Bigdat) sống, sạch, đủ và chính xác; Coi trọng việc đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính của Bộ phận một cửa theo thời gian thực, tạo sự chủ động nâng cao hiệu quả, năng suất lao động trong việc đơn giản hóa chuẩn bị, tiếp nhận, giải quyết và trả hồ sơ thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Đặc biệt, cần gắn quá trình này với yêu cầu đổi mới cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý nhà nước các cấp...

Trước mắt, cần tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý quy định về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu số hóa và sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, cũng như việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ

thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ giải quyết thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng, hiệu quả hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện thông qua việc ứng dụng công nghệ mới, thực hiện giám sát theo thời gian thực.

Đồng thời, cần tiếp tục cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, thuận lợi cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp; Xác định rõ hơn nữa vai trò và trách nhiệm, tính pháp lý, hiệu quả, minh bạch và công bằng của các cơ quan trong sự phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính liên thông; Có cơ chế kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính, xử lý nghiêm người vi phạm, khen thưởng kịp thời những người thi hành xuất sắc nhiệm vụ nhằm tiếp tục tạo bước chuyển căn bản trong quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp, giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau trong giải quyết và thực hiện các thủ tục hành chính; Đề cao và cụ thể hóa vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện công tác cải cách hành chính; Lấy kết quả Chỉ số cải cách hành chính hàng năm, kết quả đánh giá sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước là tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hằng năm đối với cơ quan, đơn vị và người đứng đầu cơ quan đơn vị.

Thực hiện thí điểm các mô hình mới về thu gọn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn đầu mối, khắc phục chồng chéo, dàn trải, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ giữa các ngành, các cấp, gắn với thực hiện chính sách tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh và chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm. nâng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Nâng cao kỹ năng, tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, xử lý nghiêm những hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực của công chức, viên chức trong thực thi công vụ, giải quyết công việc cho người dân, doanh nghiệp; gắn kết quả, hiệu quả công việc của cá nhân, tổ chức với chế độ tiền lương, phụ cấp. Triển khai các quy định về khoán kinh phí quản lý hành chính và thúc đẩy xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập theo cơ chế thị trường...

Nguồn: nhandan.vn

COVID-19 TẠO CƠ HỘI THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ

Từ khi đại dịch xảy ra, quá trình chuyển đổi số của rất nhiều ngành, lĩnh vực trở nên nhanh hơn mức tưởng tượng. Những ngành vốn chưa sẵn sàng số hóa cũng buộc bước chân vào con đường này.

Khi COVID-19 bùng phát, tất cả các địa phương đều phải thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch nghiêm ngặt. Nhiều tỉnh, thành phố còn phải đặt trong tình trạng giãn cách xã hội

để kiểm soát dịch bệnh. Điều này khiến những phương thức giao dịch truyền thống, trực tiếp trước đây không thể áp dụng và cách duy nhất là dùng công nghệ số. Từ khi đại dịch xảy ra, quá trình chuyển đổi số của rất nhiều ngành, lĩnh vực trở nên nhanh hơn mức tưởng tượng. Những ngành vốn chưa sẵn sàng số hóa cũng buộc bước chân vào con đường này.

Buộc phải thay đổi phương thức

Chia sẻ ý kiến về vấn đề này, GS. TS. Hoàng Văn Cường, Đại biểu Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Tài chính ngân sách của Quốc hội đưa ra ví dụ: “Trong giáo dục, trước đây đi học là phải đến lớp, nhưng khi đại dịch xảy ra, các trường chỉ lúng túng trong một thời gian rất ngắn và sau đó thì gần như toàn ngành Giáo dục đã triển khai dạy học online bằng các phần mềm có tương tác. Thực tế, nhiều chương trình, hệ đào tạo không thua kém so với giáo dục trực tiếp”.

Hay ở góc độ người dân, trước đây Nhà nước khuyến khích không dùng tiền mặt, khuyến khích các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trả lương qua tài khoản nhưng thực tế, ngay sau khi tiền lương được chuyển là người người xếp hàng để rút và cầm tiền mặt đi tiêu. Thế nhưng dịch xảy ra đã hoàn toàn thay đổi hành vi. Ai muốn an toàn trước dịch bệnh, không muốn tiếp xúc thì phải chuyển sang dùng các phương thức giao dịch điện tử như là internet banking, ví điện tử, mobile banking và hầu như việc không dùng tiền mặt lúc này đã trở thành thói quen. “Thói quen ấy rõ ràng có sự chuyển đổi rất nhanh do sự xuất hiện của dịch COVID-19” - ông Cường nói.

3 giai đoạn cho doanh nghiệp chuyển đổi số

Lộ trình chuyển đổi số cho doanh nghiệp tại Việt Nam được khuyến nghị thông qua giai đoạn chuẩn bị và 3 giai đoạn để thực hiện dần từ chuyển đổi số triển khai riêng lẻ, chưa có tính kết nối sang chuyển đổi số hoàn toàn, kết nối và tích hợp đồng bộ với nhau. Các giai đoạn này là tương đối, tùy vào tình trạng thực tế, mục tiêu và tiềm lực của từng doanh nghiệp, có thể thực hiện song song hoặc nối tiếp nhau.

Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cũng chuyển đổi rất nhanh. Đơn vị nào ứng dụng tốt về công nghệ số, chuyển đổi số thì vẫn có thể duy trì được hoạt động thông qua làm việc online, làm việc từ xa mà không bị đình trệ. Thậm chí, có nhiều hoạt động của các cơ sở sản xuất được chia nhỏ ra và có người giám sát từ xa. Phương thức tổ chức, quản lý, hoạt động của các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp cũng thay đổi rất nhiều. Những hoạt động trước đây phải bỏ ra rất nhiều chi phí, công sức, thời gian, phương tiện như đi công tác, đi hội nghị, đi nước ngoài để đàm phán, ký kết nay đều được chuyển sang phương thức trực tuyến mà vẫn đạt hiệu quả.

TS. Vũ Tiến Lộc, Đại biểu Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Kinh tế của Quốc hội cũng cho rằng, COVID-19 là kẻ thù của nhân loại nhưng ở góc độ chuyển đổi số thì việc COVID-19 bùng phát là một cơ hội tạo nên sự thay đổi theo chiều hướng số hóa các hoạt động. Đây cũng là một sự thay đổi thông minh, cần thiết cho xã hội hiện tại.

“Cái lỗi của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là chuyển đổi số và sự xuất hiện của COVID-19 đã thúc đẩy sự chuyển đổi. Tôi nghĩ công nghệ có thể giúp nhân loại bù đắp lại

những thiệt hại mà COVID-19 gây ra thông qua việc đẩy nhanh chuyển đổi số, thay đổi về văn hóa giao tiếp, văn hóa làm việc, thay đổi nền văn minh của nhân loại. Đây là động lực phát triển lớn nhất của nhân loại trong thời gian tới” - ông Lộc nhấn mạnh.

Bất nhịp được sẽ ít thiệt hại

Ở góc độ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp công nghệ, ông Ngô Diên Hy, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Bưu chính viễn thông cũng cho rằng, COVID-19 tạo ra động lực để chúng ta tiến nhanh hơn trong quá trình chuyển đổi số.

Một ví dụ dễ thấy trong lĩnh vực giáo dục, Tập đoàn Bưu chính viễn thông đã phát triển hệ thống Elearning (học trực tuyến) cho các nền tảng giáo dục từ cách đây khoảng 5 năm nhưng gặp rất nhiều khó khăn trong việc khuyến khích các trường sử dụng. Khi COVID-19 bùng phát, hệ thống này đã đạt lưu lượng gấp hàng trăm, từ vài ngàn học sinh lên hàng triệu học sinh tham gia học trực tuyến.

“Sau COVID-19, có lẽ việc học trực tuyến sẽ trở nên bình thường hóa tại Việt Nam và trở thành một thói quen tốt để phát triển các lớp học ảo, áp dụng những công nghệ đào tạo tiên tiến” - ông Hy nói.

Cũng theo ông Ngô Diên Hy, năm 2017, chúng ta thành lập Ủy ban quốc gia về Chính phủ điện tử, trong đó tập trung rất nhiều về vấn đề chuyển đổi số quốc gia đã áp dụng từ nhiều năm trước đây, từ trước khi COVID-19 xuất hiện. Điều đó chứng tỏ, chúng ta cũng đã có sự chuẩn bị.

Chẳng hạn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2020 đã ban hành Thông tư 16 cho phép các ngân hàng thực hiện các giao dịch điện tử trên môi trường số để giải tỏa vướng mắc trong việc phục vụ đưa khách hàng lên môi trường online.

“Rõ ràng trong giai đoạn hiện nay, doanh nghiệp nào đưa được khách hàng lên môi trường online nhiều nhất, tại nhiều điểm chạm nhất thì doanh nghiệp đó bị ít thiệt hại nhất trong bối cảnh COVID-19. Còn doanh nghiệp nào thụt lùi trong việc đưa khách hàng của mình lên môi trường online thì sẽ là bị tổn thương nhiều nhất”, - ông Hy nhấn mạnh.

* TS. Vũ Tiến Lộc, Đại biểu Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Kinh tế của Quốc hội: Ngành Tài chính đang đi đầu trong cuộc cách mạng số

Mục tiêu của chúng ta đang phấn đấu đến năm 2030 hoàn thành xây dựng chính phủ số, kinh tế số đạt khoảng 30% GDP và đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới, xếp thứ 3 trong khu vực ASEAN về chính phủ điện tử và kinh tế số.

Hạ tầng kinh tế số của chúng ta đang phát triển khá nhanh và cho đến thời điểm hiện nay đã đạt được trình độ tương đương với các quốc gia “top” đầu trong khu vực.

Trong các cơ quan nhà nước thì Tài chính, cụ thể là ngành thuế, hải quan, kho bạc, bảo hiểm đang là cơ quan đi đầu trong xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động của mình trong bối cảnh ngành Tài chính tích cực chuyển sang hoạt động trên nền tảng công nghệ số. Đây là điều rất quan trọng.

Ngành Tài chính đã là ngành tiên phong trong chuyển đổi thể chế, trong cải cách hành chính, trong cắt bỏ các giấy phép con và bây giờ thì ngành Tài chính cũng đang đi đầu trong cuộc cách mạng số trong các cơ quan của Chính phủ Việt Nam. Cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao nỗ lực này của ngành Tài chính.

* Ông Nguyễn Việt Hùng, Phó Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê tài chính, Bộ Tài chính: Động lực để thúc đẩy chuyển đổi số thực chất hơn

Dù có xuất hiện COVID-19 hay không thì nhu cầu thay đổi của doanh nghiệp lúc nào cũng có và họ không cần Covid như là một động lực. Điều họ cần nhất là Chính phủ thay đổi để giúp đỡ họ.

Với nhận định đó thì có thể đánh giá COVID-19 là động lực để Chính phủ đổi mới, đáp ứng yêu cầu, kỳ vọng của cộng đồng doanh nghiệp và triển khai các giải pháp thúc đẩy quá trình chuyển đổi số thực chất hơn nữa để có thể song hành với nhau cùng phát triển.

* Ông Ngô Diên Hy, Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Bưu chính viễn thông: Khoảng 70 - 90 triệu dân chưa được cấp chứng thư số cá nhân

Bối cảnh COVID-19 là lúc các cơ quan nhà nước cũng phải cần có những chính sách phù hợp, đặc biệt với vấn đề định danh số. Đơn cử thời gian qua, trong lĩnh vực thuế, lĩnh vực bảo hiểm đã có thể thực hiện các dịch vụ công một cách tự động, bởi vì các doanh nghiệp tham gia lĩnh vực này đã được cấp chứng thư số. Vậy người dân thì sao?

Hiện nay, chúng ta đang có một khoảng trống cỡ 70 - 80 triệu người dân chưa được cấp những chứng thư số cá nhân. Họ chưa thể bỏ hàng triệu đồng để trả chi phí chứng thư số cho các nhà cung cấp hàng năm như doanh nghiệp.

Các cơ quan chức năng cũng đang nghiên cứu xây dựng hành lang pháp lý để đẩy nhanh việc cung cấp chứng thư số giá rẻ cho người dân và thực hiện điều này trong tương lai gần.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

BAN HÀNH DANH MỤC THÔNG TIN, DỮ LIỆU PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ quy định quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, ngày 11/9/2021, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 1498/QĐ-TTg ban hành Danh mục thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Theo đó, Danh mục thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ gồm 07 nhóm: Nhóm thông tin, dữ liệu về kinh tế tổng hợp; Nhóm thông tin, dữ liệu về kinh tế ngành; Nhóm thông tin, dữ liệu về khoa học - giáo dục - văn hóa - xã hội; Nhóm thông tin, dữ liệu về nội chính, hành chính, thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, an ninh, quốc phòng, đối ngoại; Nhóm thông tin, dữ liệu về kinh tế - xã hội địa phương; Nhóm thông tin, dữ liệu về phát triển doanh nghiệp, đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước, kinh tế tập thể, hợp tác xã; Nhóm thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành đối với các nhiệm vụ cấp bách, khẩn cấp quốc gia.

Quyết định cũng quy định trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong việc: Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan cung cấp, kết nối thông tin, dữ liệu với Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo danh mục; Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, dữ liệu tổng hợp phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với các nhiệm vụ cấp bách, khẩn cấp quốc gia. Giao Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan hướng dẫn triển khai cụ thể; Bảo đảm việc cung cấp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu thường xuyên, liên tục, thông suốt, an toàn bảo mật thông tin theo quy định pháp luật; Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nguồn thông tin, dữ liệu, tính thống nhất của các thông tin, dữ liệu được cung cấp, kết nối với Trung tâm; Phối hợp với Văn phòng Chính phủ xây dựng bộ chỉ tiêu tổng hợp theo chức năng, nhiệm vụ phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước có trách nhiệm: Thực hiện cung cấp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với Trung tâm; bảo đảm việc cung cấp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu thường xuyên, liên tục, thông suốt, an toàn, bảo mật thông tin theo quy định pháp luật; Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nguồn thông tin, dữ liệu, tính thống nhất của các thông tin, dữ liệu được cung cấp, kết nối, chia sẻ với Trung tâm.

Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

BỘ TÀI CHÍNH: HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày 17/9/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 78/2021/TT-BTC hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

Thông tư số 78/2021/TT-BTC quy định một số nội dung về hóa đơn điện tử gồm: Ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử; mẫu hiển thị các loại hóa đơn điện tử; ký hiệu mẫu số hóa đơn điện tử, ký hiệu hóa đơn điện tử; chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế; áp dụng hóa đơn điện tử đối với một số trường hợp khác.

Đồng thời, Thông tư cũng quy định hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế; tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế và dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn và các dịch vụ khác có liên quan.

Theo Thông tư, nội dung về hóa đơn giấy gồm tên loại hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, tên liên hóa đơn do Cục Thuế đặt in; việc sử dụng biên lai thu thuế, phí, lệ phí của cơ quan thuế đối với cá nhân và hướng dẫn xử lý chuyển tiếp.

Để triển khai hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Thông tư số 78/2021/TT-BTC, Tổng cục Thuế yêu cầu Cục Thuế các tỉnh, thành phố cần tập trung rà soát, phân loại người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh trên địa bàn là đối tượng sử dụng các loại hoá đơn điện tử theo quy định để thông báo đến từng doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh về kế hoạch triển khai áp dụng hoá đơn điện tử và sẵn sàng chuẩn bị điều kiện về cơ sở hạ tầng và giải pháp công nghệ thông tin để thực hiện việc lập, chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế, gửi hóa đơn điện tử cho người mua và các nội dung khác về quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử.

Rà soát và thông báo đến các tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử trên địa bàn về việc triển khai hóa đơn điện tử để các tổ chức chuẩn bị các giải pháp và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng được việc cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử cho khách hàng theo quy định.

Thông tư 78/2021/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2022, tuy nhiên, Thông tư nêu rõ khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin áp dụng quy định về hóa đơn, chứng từ điện tử theo hướng dẫn tại Thông tư này và của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP trước ngày 01/7/2022.

Hóa đơn điện tử cũng được áp dụng đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh kể từ ngày 01/7/2022. Riêng trường hợp không thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương tiện điện tử, không có hạ tầng công nghệ thông tin, không có hệ thống phần mềm kế toán, không có phần mềm lập hóa đơn điện tử để sử dụng hóa đơn điện tử và để truyền dữ liệu điện tử đến người mua và đến cơ quan thuế thì sử dụng hóa đơn giấy của cơ quan thuế trong thời

gian tối đa 12 tháng, đồng thời cơ quan thuế có giải pháp chuyển đổi dần sang áp dụng hóa đơn điện tử.

Thời gian tối đa 12 tháng được tính một lần kể từ ngày 01/7/2022 đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang hoạt động từ trước 01/7/2022; hoặc kể từ thời điểm đăng ký bắt đầu sử dụng hoá đơn đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới thành lập sau ngày 01/7/2022.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ QUỐC PHÒNG: QUY ĐỊNH MỚI VỀ CHẾ ĐỘ NGHỈ CỦA QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP

Ngày 23/8/2021, Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư số 109/2021/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 113/2016/TT-BQP ngày 23/8/2016 quy định chế độ nghỉ của quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.

Thông tư sửa đổi, bổ sung Điều 4 về chế độ nghỉ hằng tuần. Theo đó, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng được nghỉ ngày thứ Bảy và ngày Chủ nhật. Đối với các đơn vị thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu hoặc do yêu cầu nhiệm vụ, việc nghỉ hằng tuần do chỉ huy cấp trung đoàn và tương đương trở lên căn cứ tình hình nhiệm vụ của đơn vị thực hiện cho phù hợp.

Đối với nghỉ phép hằng năm, Thông tư quy định, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng được nghỉ phép hằng năm như sau: Dưới 15 năm công tác được nghỉ 20 ngày; từ đủ 15 năm công tác đến dưới 25 năm công tác được nghỉ 25 ngày; từ đủ 25 năm công tác trở lên được nghỉ 30 ngày.

Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng đóng quân ở đơn vị xa gia đình (nơi cư trú của vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi hợp pháp; bố, mẹ, người nuôi dưỡng hợp pháp của bản thân, của vợ hoặc của chồng) khi nghỉ phép hằng năm được nghỉ thêm: a) 10 ngày khi thuộc một trong các trường hợp sau: Đóng quân cách xa gia đình từ 500km trở lên; đóng quân ở địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới cách xa gia đình từ 300km trở lên; đóng quân tại các đảo thuộc quần đảo Trường Sa và ở Nhà giàn DK1; b) 5 ngày khi thuộc một trong các trường hợp: Đóng quân cách xa gia đình từ 300km đến dưới 500km; đóng quân ở địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới cách xa gia đình từ 200km đến dưới 300km và có hệ số khu vực 0,5 trở lên; đóng quân tại các đảo được hưởng phụ cấp khu vực.

Trong trường hợp do yêu cầu nhiệm vụ, đơn vị không thể bố trí cho quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng nghỉ phép năm hoặc nghỉ chưa hết số ngày phép năm theo quy định thì năm sau chỉ huy đơn vị xem xét, quyết định cho nghỉ bù phép của năm trước. Trường hợp cá biệt, chỉ huy đơn vị vẫn không thể bố trí cho đi nghỉ phép được thì quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng được xem xét, thanh toán tiền

lương đối với số ngày chưa nghỉ phép năm theo quy định tại Thông tư số 13/2012/TT-BQP ngày 21/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chế độ thanh toán tiền nghỉ phép đối với người hưởng lương làm việc trong các cơ quan, đơn vị Quân đội.

Thời gian đi đường không tính vào số ngày được nghỉ phép đối với các trường hợp nghỉ phép năm; nghỉ phép năm thuộc các trường hợp được nghỉ thêm; nghỉ phép đặc biệt.

Bên cạnh đó, Thông tư sửa đổi, bổ sung Điều 7 quy định về nghỉ lễ, Tết. Hàng năm, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng được nghỉ ngày lễ, Tết theo quy định tại Khoản 1 Điều 112 của Bộ luật Lao động và ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12). Đối với các đơn vị thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu hoặc do yêu cầu nhiệm vụ, việc nghỉ ngày lễ, Tết do chỉ huy cấp trung đoàn và tương đương trở lên căn cứ tình hình nhiệm vụ của đơn vị thực hiện cho phù hợp.

Quân nhân được hưởng tiền chênh lệch khi nghỉ hưu

Ngoài ra, Thông tư cũng sửa đổi, bổ sung Điều 9 về nghỉ chuẩn bị hưu. Theo đó, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng có quyết định nghỉ hưu, được nghỉ chuẩn bị hưu, từ đủ 20 năm công tác đến dưới 25 năm công tác được nghỉ 9 tháng; từ đủ 25 năm công tác trở lên được nghỉ 12 tháng.

Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng có đủ điều kiện nghỉ hưu, nếu có nguyện vọng không nghỉ chuẩn bị hưu (hưởng lương hưu ngay) hoặc nghỉ không đủ thời gian quy định, thì khi nghỉ hưu được hưởng khoản tiền chênh lệch giữa tiền lương của tháng cuối cùng trước khi hưởng lương hưu với tiền lương hưu tháng đầu tiên đối với số tháng không nghỉ chuẩn bị hưu.

Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng nghỉ chuẩn bị hưu tại gia đình phải đăng ký thời gian nghỉ với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn theo quy định của Luật Cư trú.

Trong thời gian nghỉ chuẩn bị hưu, nếu mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh phải chữa trị dài ngày, bệnh tâm thần thực hiện theo quy định tại Thông tư số 157/2013/TT-BQP quy định về quản lý, điều trị, chăm sóc, giải quyết chính sách đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu do Quân đội quản lý bị bệnh hiểm nghèo, bệnh cần chữa trị dài ngày, bệnh tâm thần.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/10/2021.

Nguồn: baohinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Ban Bí thư Trung ương Đảng Quyết định:

Chỉ định ông Đỗ Hồng Quân, Ủy viên Đảng đoàn, Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Chủ tịch Hội Nhạc sĩ Việt Nam giữ chức Bí thư Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

* Quốc hội:

Các ông: Nguyễn Văn Cường, Hoàng Xuân Hòa và Phạm Thái Hà, trợ lý Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội được điều động tiếp tục làm nhiệm vụ trợ lý ông Vương Đình Huệ, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội.

* Thủ tướng Chính phủ quyết định:

Ông Vũ Quang Minh, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, nguyên Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền Việt Nam tại Vương quốc Campuchia trở lại Bộ Ngoại giao công tác và tiếp tục giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Ngoại giao.

Kiện toàn và đổi tên Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử

Thủ tướng Phạm Minh Chính vừa ký Quyết định số 1619/QĐ-TTg kiện toàn và đổi tên Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử thành Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số (Ủy ban). Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch Ủy ban.

Phó Chủ tịch Ủy ban gồm: Phó Thủ tướng Chính phủ trực tiếp theo dõi, chỉ đạo lĩnh vực thông tin và truyền thông (Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban); Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

Các Ủy viên Ủy ban gồm Bộ trưởng các Bộ: Công an, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

Kiện toàn Ban Chỉ đạo điều hành giá

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký Quyết định 1618/QĐ-TTg kiện toàn Ban Chỉ đạo điều hành giá. Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái làm Trưởng ban Ban Chỉ đạo.

Phó Trưởng ban là ông Hồ Đức Phớc, Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Thành viên Ban Chỉ đạo gồm: Ông Tạ Anh Tuấn, Thứ trưởng Bộ Tài chính; ông Đỗ Thắng Hải, Thứ trưởng Bộ Công Thương; ông Trần Quốc Phương, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; ông Trương Quốc Cường, Thứ trưởng Bộ Y tế; ông Phạm Ngọc Thương, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; ông Lê Đình Thọ, Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; ông Trần Thanh Nam, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; ông Lê Tấn Dũng, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; ông Bùi Hồng Minh, Thứ trưởng Bộ Xây dựng; ông Lê Minh Ngân, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; ông Nguyễn Kim Anh,

Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; bà Mai Thị Thu Vân, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; bà Nguyễn Thị Hương, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thống kê.

*** Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định:**

Điều động bà Lê Thị Nguyệt, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Về các vấn đề xã hội khóa XIV về nhận công tác tại Ban Dân nguyện, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tòa án nhân dân tối cao:**

Đảng ủy khôi các cơ quan Trung ương quyết định chuẩn y bổ sung Ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư Đảng ủy Tòa án nhân dân tối cao, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đối với ông Nguyễn Văn Tiến, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Ông Nguyễn Tường Linh, Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Tòa án nhân dân tối cao được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Tòa án nhân dân tối cao.

Nguồn: baohinhphu.vn